VGP CHINHPHU.VN
Người ký: CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 08.01.2025 16:31:37 +07:00

QUỐC HỘI

Luật số: 59/2024/QH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LUẬT
TƯ PHÁP NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Phần thứ nhất
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Chương I
PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về xử lý chuyển hướng, hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội; thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng; thi hành án phạt tù, tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, gia đình trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên.

Điều 2. Áp dụng Luật Tư pháp người chưa thành niên và các luật có liên quan

Việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, giải quyết vụ án hình sự, xử lý chuyển hướng, thi hành án phạt tù, tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên được áp dụng theo quy định của Luật này và theo quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự, luật khác không trái với quy định của Luật này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Người chưa thành niên phạm tội* là người phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự trong độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi.

2. *Người chưa thành niên là người bị buộc tội* gồm người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi.

3. *Người chưa thành niên là bị hại* là người dưới 18 tuổi trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra.

4. *Người chưa thành niên là người làm chứng* là người dưới 18 tuổi biết được những tình tiết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án và được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng triệu tập đến làm chứng.

5. *Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng* gồm người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng và người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, học sinh trường giáo dưỡng.

6. *Người đại diện của người chưa thành niên* bao gồm:

a) Cha, mẹ;

b) Người giám hộ;

c) Người do Tòa án chỉ định.

7. *Tư pháp người chưa thành niên* là các quy định về chính sách, biện pháp xử lý đối với người chưa thành niên; thủ tục thân thiện trong xử lý chuyển hướng, tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án phạt tù, tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

8. *Biện pháp xử lý chuyển hướng* là biện pháp giám sát, giáo dục, phòng ngừa áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội, bao gồm các biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng quy định từ khoản 1 đến khoản 11 Điều 36 của Luật này và biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng quy định tại khoản 12 Điều 36 của Luật này.

9. *Thủ tục xử lý chuyển hướng* là trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo theo quy định của Luật này.

10. *Người làm công tác xã hội trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên* (sau đây gọi chung là người làm công tác xã hội) bao gồm công chức, viên chức, người lao động làm công tác xã hội, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, công chức văn hóa - xã hội cấp xã và người làm công tác xã hội khác theo quy định của pháp luật.

11. *Báo cáo điều tra xã hội* là báo cáo do người làm công tác xã hội xây dựng để cung cấp thông tin về nhân thân, hoàn cảnh gia đình, môi trường sống, tình hình học tập, tình trạng sức khỏe, mức độ trưởng thành của người chưa thành niên và thông tin khác có liên quan ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên là bị can, bị cáo.

12. *Kế hoạch xử lý chuyển hướng* là kế hoạch do người làm công tác xã hội xây dựng để đề xuất việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, việc tổ chức hỗ trợ, giám sát, giáo dục người chưa thành niên chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng.

Điều 4. Kinh phí, chi phí, hỗ trợ hoạt động tư pháp người chưa thành niên

1. Kinh phí cho hoạt động tư pháp người chưa thành niên được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm các nội dung sau đây:

a) Cơ sở vật chất để thực hiện thủ tục tố tụng thân thiện đối với người chưa thành niên;

b) Tổ chức thi hành biện pháp giám sát điện tử;

c) Tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng;

d) Tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;

đ) Cơ sở vật chất của trường giáo dưỡng, trại giam riêng, phân trại, khu giam giữ dành riêng cho người chưa thành niên; chế độ ăn, mặc, ở, đồ dùng sinh hoạt, chăm sóc y tế, học văn hóa, giáo dục hướng nghiệp, học nghề, lao động, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ và vui chơi giải trí đối với học sinh trường giáo dưỡng và phạm nhân là người chưa thành niên;

e) Phần chi của Quỹ Bảo trợ trẻ em cho hoạt động tư pháp người chưa thành niên;

g) Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho người làm công tác xã hội, người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

h) Chi phí cho người làm công tác xã hội tham gia tố tụng, người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, người được chỉ định giúp đỡ người chưa thành niên tái hòa nhập cộng đồng; chi phí cho chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học, đại diện cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia vào quá trình giải quyết vụ việc, vụ án theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền;

i) Các nội dung khác cho hoạt động tư pháp người chưa thành niên được ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trường giáo dưỡng được tiếp nhận sự giúp đỡ về vật chất của chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, cá nhân, tổ chức nước ngoài để tổ chức dạy văn hóa, giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề, mua sắm đồ dùng học tập và sinh hoạt cho học sinh.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 5. Bảo đảm lợi ích tốt nhất

1. Khi giải quyết vụ việc, vụ án có người chưa thành niên phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của họ.

2. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người chưa thành niên phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

3. Việc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội phải căn cứ vào hành vi phạm tội, nhân thân, độ tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện gây ra tội phạm và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

4. Bảo đảm an toàn cho người chưa thành niên trong quá trình tố tụng, thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, thi hành án phạt tù theo quy định của pháp luật.

5. Hỗ trợ kịp thời và nhanh nhất có thể đối với người chưa thành niên.

Điều 6. Bảo đảm thủ tục tố tụng thân thiện

Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên phải bảo đảm đơn giản, thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành và khả năng nhận thức của người chưa thành niên.

Điều 7. Đối xử bình đẳng

1. Bảo đảm công bằng, không kỳ thị, không phân biệt đối xử đối với người chưa thành niên.

2. Quan tâm đến nhu cầu chính đáng của người chưa thành niên về giới tính, người chưa thành niên là người dân tộc thiểu số, đối tượng dễ bị tổn thương.

Điều 8. Quyền được thông tin đầy đủ, kịp thời

Người chưa thành niên có quyền được thông tin đầy đủ, kịp thời bằng ngôn từ đơn giản, thân thiện, dễ hiểu về những nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ việc, vụ án.

Điều 9. Bảo đảm quyền có người đại diện

Người chưa thành niên được bảo đảm có người đại diện tham gia trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án.

Điều 10. Giải quyết nhanh chóng, kịp thời

Giải quyết vụ việc, vụ án có người chưa thành niên phải nhanh nhất có thể, hạn chế việc gia hạn và ưu tiên áp dụng thủ tục rút gọn.

Điều 11. Ưu tiên áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Biện pháp xử lý chuyển hướng được ưu tiên áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội trong tất cả các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử.

2. Việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải phù hợp với lợi ích của người chưa thành niên phạm tội và cộng đồng.

Điều 12. Áp dụng hình phạt

1. Hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục họ ý thức tôn trọng, tuân theo pháp luật và các chuẩn mực đạo đức, lối sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới, có tác dụng phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

2. Tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội nếu xét thấy việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa. Trường hợp phải áp dụng hình phạt thì ưu tiên áp dụng hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

3. Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội.

4. Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa.

5. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người chưa thành niên phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người thành niên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất.

6. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người chưa thành niên phạm tội.

7. Án đã tuyên đối với người chưa thành niên phạm tội nếu thuộc trường hợp sau đây thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm:

a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội;

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng hoặc tội rất nghiêm trọng do vô ý.

Điều 13. Bảo đảm giữ bí mật cá nhân

1. Bí mật cá nhân của người chưa thành niên phải được tôn trọng, bảo vệ trong suốt quá trình tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, xử lý chuyển hướng, thi hành án và tái hòa nhập cộng đồng.

2. Tòa án xét xử kín đối với vụ án hình sự có người chưa thành niên bị xâm hại tình dục hoặc trường hợp đặc biệt khác cần bảo vệ người chưa thành niên.

3. Trường hợp người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng tham gia tố tụng thì phải bố trí phòng cách ly hoặc các biện pháp bảo vệ khác.

Điều 14. Quyền bào chữa, quyền được trợ giúp pháp lý, phiên dịch

1. Người chưa thành niên là người bị buộc tội phải có người bào chữa.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người chưa thành niên là người bị buộc tội thực hiện đầy đủ quyền bào chữa theo quy định của pháp luật.

3. Người chưa thành niên khi tham gia tố tụng hình sự được trợ giúp pháp lý và phiên dịch miễn phí.

Điều 15. Hạn chế tối đa việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

1. Các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế chỉ được áp dụng đối với người chưa thành niên trong trường hợp thật cần thiết.

2. Chỉ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam đối với người chưa thành niên khi có căn cứ cho rằng việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác không hiệu quả.

Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thường xuyên theo dõi, rà soát, kiểm tra việc tạm giữ, tạm giam đối với người chưa thành niên bị tạm giữ, tạm giam; nếu phát hiện không còn căn cứ hoặc không còn cần thiết tạm giữ, tạm giam thì phải kịp thời ra quyết định hủy bỏ, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác.

Điều 16. Chuyên môn hóa trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên

Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán giải quyết vụ việc, vụ án có người chưa thành niên phải là người đã được đào tạo, bồi dưỡng hoặc có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan đến người chưa thành niên hoặc có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục người chưa thành niên.

Điều 17. Bảo đảm và tôn trọng quyền tham gia, trình bày ý kiến

1. Người chưa thành niên có quyền tham gia, trình bày ý kiến về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình tố tụng. Ý kiến trình bày của người chưa thành niên phải được tôn trọng, không bị coi là không đáng tin cậy chỉ vì lý do tuổi của họ. Việc người chưa thành niên không nhận tội không được coi là căn cứ để xử lý trách nhiệm nặng hơn với họ.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải lắng nghe ý kiến, nguyện vọng, quan tâm đến thái độ của người chưa thành niên phù hợp với lứa tuổi, giới tính, mức độ trưởng thành và sự phát triển của họ.

Điều 18. Bảo đảm hiệu lực của quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp và thực hiện yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền trong thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Điều 19. Bảo đảm việc thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng và thi hành án phạt tù phù hợp

1. Việc thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng và thi hành án phạt tù phải bảo đảm người chưa thành niên được bảo vệ, giáo dục, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng.

2. Trường giáo dưỡng, trại giam phải bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất phù hợp với lứa tuổi, giới tính và sự phát triển của người chưa thành niên.

3. Người chưa thành niên chấp hành án phạt tù tại trại giam, phân trại hoặc khu giam giữ dành riêng cho người chưa thành niên là phạm nhân.

Điều 20. Bảo đảm việc tái hòa nhập cộng đồng

1. Bảo đảm các điều kiện thuận lợi cho người chưa thành niên chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, chấp hành xong án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống, phòng ngừa phạm tội mới.

2. Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình trong tái hòa nhập cộng đồng theo quy định của pháp luật.

3. Nghiêm cấm kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người chưa thành niên chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, chấp hành xong án phạt tù.

Chương II
QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội

1. Người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự;

b) Có người đại diện tham gia tố tụng;

c) Được sự hỗ trợ của chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học trong trường hợp cần thiết;

d) Được thông tin đầy đủ, kịp thời bằng ngôn từ đơn giản, thân thiện, dễ hiểu về những nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ việc, vụ án;

đ) Được bảo đảm giữ bí mật cá nhân trong suốt quá trình giải quyết vụ việc, vụ án;

e) Được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật;

g) Được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật này;

h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.

2. Ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, người chưa thành niên là bị can, bị cáo còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

b) Được sự hỗ trợ của người làm công tác xã hội trong quá trình tố tụng;

c) Khiếu nại quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng

1. Người chưa thành niên là bị hại có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự;

b) Có người đại diện tham gia tố tụng;

c) Được sự hỗ trợ của chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học trong trường hợp cần thiết;

d) Được thông tin đầy đủ, kịp thời bằng ngôn từ đơn giản, thân thiện, dễ hiểu về những nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ việc, vụ án;

đ) Được bảo đảm giữ bí mật cá nhân trong suốt quá trình giải quyết vụ việc, vụ án;

e) Được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật;

g) Được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật này;

h) Được sự hỗ trợ của người làm công tác xã hội trong quá trình tố tụng;

i) Được bồi thường thiệt hại và hỗ trợ theo quy định của Luật này và các luật khác có liên quan;

k) Khiếu nại quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.

2. Người chưa thành niên là người làm chứng có các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 1 Điều này và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng có các quyền sau đây:

a) Được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật này;

b) Được lao động, học tập, hướng nghiệp, học nghề; được tham gia chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống;

c) Được trình bày nguyện vọng, kiến nghị của mình với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng; với Hiệu trưởng, cán bộ, giáo viên của trường giáo dưỡng;

d) Được bảo đảm giữ bí mật cá nhân trong quá trình chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng;

đ) Được cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng;

e) Được hướng dẫn thực hiện thủ tục khai báo tạm vắng, đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú khi chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng.

2. Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng có các nghĩa vụ sau đây:

a) Chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

b) Tuân thủ pháp luật, chấp hành nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc;

c) Chịu sự giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

d) Báo cáo tình hình chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng khi được yêu cầu;

đ) Trình diện cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng.

3. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của người chưa thành niên là phạm nhân

1. Các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Được bảo đảm giữ bí mật cá nhân trong quá trình chấp hành án phạt tù.

3. Được học văn hóa phù hợp với trình độ theo quy định của pháp luật về giáo dục.

4. Được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và vui chơi giải trí khác do trại giam tổ chức phù hợp với lứa tuổi, giới tính.

5. Được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật này.

6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.

Điều 25. Xác định tuổi của người chưa thành niên là người bị buộc tội, bị hại

1. Việc xác định tuổi của người chưa thành niên là người bị buộc tội, bị hại do cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện theo quy định của pháp luật. Việc xác định tuổi căn cứ vào một trong các giấy tờ, tài liệu gồm: Giấy chứng sinh, Giấy khai sinh, Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân, Thẻ căn cước, Giấy chứng nhận căn cước, Hộ chiếu hoặc thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

Trường hợp các giấy tờ, tài liệu hoặc thông tin trong các cơ sở dữ liệu nêu trên có mâu thuẫn, không rõ ràng hoặc không có giấy tờ, tài liệu, thông tin này thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải phối hợp với gia đình, người đại diện, người thân thích, cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc tổ chức, cá nhân khác có liên quan nơi người đó học tập, lao động, sinh hoạt để xác minh, làm rõ mâu thuẫn hoặc tìm các giấy tờ, tài liệu khác có giá trị chứng minh về tuổi của họ.

2. Trường hợp đã áp dụng các biện pháp hợp pháp mà vẫn không xác định được chính xác thì ngày, tháng sinh được xác định như sau:

a) Trường hợp xác định được tháng nhưng không xác định được ngày thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh;

b) Trường hợp xác định được quý nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý đó làm ngày, tháng sinh;

c) Trường hợp xác định được nửa của năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong nửa năm đó làm ngày, tháng sinh;

d) Trường hợp xác định được năm nhưng không xác định được ngày, tháng thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong năm đó làm ngày, tháng sinh.

3. Trường hợp không xác định được năm sinh thì phải tiến hành giám định để xác định tuổi.

Điều 26. Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên

1. Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên do Thủ tướng Chính phủ thành lập. Thành viên Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của cơ quan thường trực của Hội đồng.

2. Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên hoạt động theo cơ chế phối hợp liên ngành. Thành viên Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công và làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành để giải quyết các vấn đề về tư pháp người chưa thành niên;

b) Đề xuất phương hướng, giải pháp để thực hiện các vấn đề liên quan đến tư pháp người chưa thành niên;

c) Phối hợp với các cơ quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc thực hiện hoạt động tư pháp người chưa thành niên;

d) Chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện nhiệm vụ liên quan đến tư pháp người chưa thành niên trong báo cáo công tác hằng năm;

đ) Chỉ đạo, đôn đốc hoạt động công tác xã hội về tư pháp người chưa thành niên; chỉ đạo tổ chức việc công bố danh sách người làm công tác xã hội trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho người làm công tác xã hội trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên;

e) Chỉ đạo công tác thống kê, thông tin, báo cáo về hoạt động tư pháp người chưa thành niên;

g) Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 27. Cơ quan thường trực của Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên

1. Cơ quan thường trực của Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên là Bộ Công an.

2. Cơ quan thường trực có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Giúp Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng;

b) Định kỳ hằng năm báo cáo Chính phủ về hoạt động của Hội đồng;

c) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của pháp luật về xử lý chuyển hướng, hình phạt, thủ tục tố tụng, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng cung cấp thông tin cần thiết về quá trình xử lý chuyển hướng, thủ tục tố tụng, về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ cho người tham gia tố tụng là người chưa thành niên, người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Điều 29. Người tiến hành tố tụng

1. Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán tiến hành hoạt động tư pháp người chưa thành niên phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Đã được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng giải quyết các vụ án liên quan đến người chưa thành niên;

b) Có kinh nghiệm điều tra, truy tố, xét xử các vụ án liên quan đến người chưa thành niên;

c) Đã được đào tạo, bồi dưỡng về tâm lý học và khoa học giáo dục người chưa thành niên.

2. Hội thẩm tham gia xét xử sơ thẩm vụ án liên quan đến người chưa thành niên phải có ít nhất một người là giáo viên, cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc người có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tư pháp, quản lý, đào tạo, bảo vệ, chăm sóc hoặc giáo dục đối với người chưa thành niên hoặc người được đào tạo về tâm lý học và khoa học giáo dục người chưa thành niên.

Điều 30. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân thực hiện Luật này; tham gia giám sát, phản biện xã hội trong lĩnh vực tư pháp người chưa thành niên.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vận động các tổ chức thành viên của Mặt trận hỗ trợ, giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên.

Điều 31. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có trách nhiệm sau đây:

a) Phối hợp chặt chẽ, kịp thời với cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

b) Hỗ trợ, tạo điều kiện để người chưa thành niên thực hiện quyền, nghĩa vụ của họ;

c) Phối hợp, trao đổi thông tin với cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

d) Hỗ trợ người chưa thành niên tái hòa nhập cộng đồng, đào tạo nghề, hỗ trợ việc làm cho người chưa thành niên khi đủ tuổi lao động;

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên; đại diện cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan phải có mặt, tham gia đầy đủ các hoạt động tố tụng và các hoạt động khác theo quyết định hoặc yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Trường giáo dưỡng, trại giam có trách nhiệm bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật về thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, thi hành án phạt tù, tái hòa nhập cộng đồng, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên.

Trường giáo dưỡng, trại giam có trách nhiệm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, giáo viên về kỹ năng quản lý, giáo dục phù hợp với người chưa thành niên.

4. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, Đoàn luật sư có trách nhiệm bồi dưỡng, hướng dẫn trợ giúp viên pháp lý, luật sư về kỹ năng bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người chưa thành niên, kỹ năng trợ giúp pháp lý cho người chưa thành niên.

Điều 32. Người làm công tác xã hội

1. Người làm công tác xã hội trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có hiểu biết pháp luật về người chưa thành niên;

b) Đã được đào tạo hoặc bồi dưỡng về tâm lý học, khoa học giáo dục người chưa thành niên hoặc có kinh nghiệm, hiểu biết về tâm lý người chưa thành niên hoặc có kỹ năng giao tiếp đối với người chưa thành niên.

2. Người làm công tác xã hội khi tham gia hoạt động tư pháp người chưa thành niên có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng báo cáo điều tra xã hội, kế hoạch xử lý chuyển hướng;

b) Tham gia hỗ trợ và can thiệp phù hợp đối với người chưa thành niên khi có yêu cầu;

c) Tham gia phiên họp, phiên tòa theo quy định của Luật này;

d) Tham gia công tác thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, tái hòa nhập cộng đồng cho người chưa thành niên theo quy định của pháp luật;

đ) Được thanh toán chi phí khi tham gia hoạt động tư pháp người chưa thành niên theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.

3. Người làm công tác xã hội tham gia hoạt động tư pháp người chưa thành niên theo từng vụ việc, vụ án cụ thể.

4. Một người làm công tác xã hội có thể tham gia hỗ trợ cho nhiều người bị buộc tội hoặc nhiều bị hại nhưng không đồng thời hỗ trợ cho cả người bị buộc tội và bị hại trong cùng một vụ án.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố danh sách người làm công tác xã hội trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên tại địa phương.

Điều 33. Trách nhiệm của gia đình

1. Cha, mẹ, người chăm sóc người chưa thành niên và các thành viên khác trong gia đình có trách nhiệm sau đây:

a) Chấp hành quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên;

b) Thường xuyên liên hệ với cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm để được hướng dẫn, trợ giúp trong quá trình thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên;

c) Chấp hành quyết định, biện pháp, quy định của cơ quan, người có thẩm quyền để bảo đảm sự an toàn, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, bí mật cá nhân, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của người chưa thành niên.

2. Cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên có trách nhiệm tham gia vào quá trình giải quyết vụ việc, vụ án; lựa chọn người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp hoặc tự mình bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người chưa thành niên trong quá trình tố tụng theo quy định của pháp luật.

3. Cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên phạm tội có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Phần thứ hai
XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI

Chương III
CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG

Điều 34. Mục đích xử lý chuyển hướng

1. Xử lý kịp thời và hiệu quả đối với người chưa thành niên.

2. Giúp người chưa thành niên thay đổi nhận thức, nhận biết, sửa chữa sai lầm đã gây ra, tự rèn luyện khắc phục, ngăn ngừa nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội và giáo dục họ trở thành công dân có ích cho xã hội.

3. Đẩy mạnh việc hòa giải giữa người chưa thành niên và bị hại bị ảnh hưởng bởi hành vi phạm tội của người chưa thành niên.

4. Nâng cao trách nhiệm của gia đình và cộng đồng tham gia trực tiếp vào hoạt động xử lý chuyển hướng.

5. Hạn chế tác động tiêu cực của thủ tục tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên.

6. Ngăn ngừa người chưa thành niên phạm tội mới, tạo điều kiện tái hòa nhập cộng đồng.

Điều 35. Nguyên tắc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; khả năng giáo dục, phục hồi của người chưa thành niên phạm tội và sự an toàn của bị hại, cộng đồng.

2. Việc lựa chọn biện pháp xử lý chuyển hướng áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội phải phù hợp với hoàn cảnh, độ tuổi, đặc điểm tâm sinh lý của họ.

3. Người chưa thành niên phạm tội có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng. Biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại các khoản 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều 36 của Luật này phải áp dụng đồng thời với một hoặc nhiều biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 36 của Luật này.

Trường hợp người chưa thành niên phạm tội bị áp dụng nhiều biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng khác nhau nhưng cùng phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều 23 của Luật này thì thời gian thực hiện nghĩa vụ không vượt quá mức thời hạn cao nhất quy định đối với biện pháp được áp dụng.

4. Không áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đồng thời với các biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng.

5. Không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng nếu tại thời điểm xem xét người phạm tội đã đủ 18 tuổi.

Điều 36. Biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Khiển trách.

2. Xin lỗi bị hại.

3. Bồi thường thiệt hại.

4. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

5. Quản thúc tại gia đình.

6. Hạn chế khung giờ đi lại.

7. Cấm tiếp xúc với người có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới.

8. Cấm đến địa điểm có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới.

9. Tham gia chương trình học tập, dạy nghề.

10. Tham gia điều trị hoặc tư vấn tâm lý.

11. Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng.

12. Giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Điều 37. Trường hợp áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

Người chưa thành niên phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự thì có thể được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng:

1. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 38 của Luật này;

2. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý, phạm tội nghiêm trọng hoặc phạm tội ít nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 của Luật này;

3. Người chưa thành niên là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.

Điều 38. Trường hợp không được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 37 của Luật này:

a) Phạm tội rất nghiêm trọng về một trong các tội phạm sau đây: Tội giết người, Tội hiếp dâm, Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, Tội sản xuất trái phép chất ma túy;

b) Phạm tội rất nghiêm trọng 02 lần trở lên hoặc phạm nhiều tội rất nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự;

c) Phạm tội đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự.

2. Người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 37 của Luật này:

a) Phạm tội nghiêm trọng về một trong các tội phạm sau đây: Tội hiếp dâm, Tội sản xuất trái phép chất ma túy, Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, Tội mua bán trái phép chất ma túy, Tội vận chuyển trái phép chất ma túy, Tội chiếm đoạt chất ma túy;

b) Tái phạm, tái phạm nguy hiểm;

c) Phạm tội nghiêm trọng do cố ý 02 lần trở lên hoặc phạm nhiều tội nghiêm trọng do cố ý theo quy định của Bộ luật Hình sự;

d) Phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự.

3. Người chưa thành niên đã được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng mà phạm tội mới.

Điều 39. Điều kiện áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

Người chưa thành niên phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 37 của Luật này có thể được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có chứng cứ xác định người chưa thành niên đã thực hiện hành vi phạm tội;

2. Người chưa thành niên thừa nhận mình đã thực hiện hành vi phạm tội;

3. Người chưa thành niên đồng ý bằng văn bản về việc xử lý chuyển hướng.

Điều 40. Khiển trách

1. Khiển trách là việc phê bình nghiêm khắc đối với người chưa thành niên phạm tội, trong đó giải thích về thiệt hại mà người chưa thành niên đã gây ra và hậu quả nếu tiếp tục vi phạm. Việc khiển trách được thi hành ngay tại phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, tại phiên tòa hoặc được thi hành tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chưa thành niên phạm tội cư trú.

2. Khiển trách có thể được áp dụng đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội nghiêm trọng do vô ý hoặc phạm tội ít nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự;

b) Người chưa thành niên là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.

3. Người chưa thành niên phạm tội bị áp dụng biện pháp khiển trách phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này từ 03 tháng đến 01 năm.

Điều 41. Xin lỗi bị hại

1. Xin lỗi bị hại là việc người chưa thành niên phạm tội nhận lỗi với bị hại và mong muốn được tha thứ về hành vi phạm tội mà họ đã gây ra. Việc xin lỗi bị hại được thi hành ngay tại phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng hoặc tại phiên tòa.

2. Xin lỗi bị hại có thể được áp dụng đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự, trừ trường hợp phạm một trong các tội quy định tại điểm a khoản 2 Điều 51 của Luật này;

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự, trừ trường hợp phạm một trong các tội quy định tại điểm b khoản 2 Điều 51 của Luật này;

c) Người chưa thành niên là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.

3. Xin lỗi bị hại được áp dụng khi có sự đồng thuận của bị hại hoặc người đại diện của họ.

4. Người chưa thành niên phạm tội bị áp dụng biện pháp xin lỗi bị hại phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này từ 03 tháng đến 01 năm.

Điều 42. Bồi thường thiệt hại

1. Bồi thường thiệt hại là việc người chưa thành niên phạm tội hoặc cha, mẹ của họ khắc phục hậu quả của hành vi phạm tội mà người chưa thành niên gây ra bằng cách đền bù tổn hại về vật chất, tinh thần do xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của bị hại.

2. Bồi thường thiệt hại có thể được áp dụng đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự, trừ trường hợp phạm một trong các tội quy định tại điểm a khoản 2 Điều 51 của Luật này;

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự, trừ trường hợp phạm một trong các tội quy định tại điểm b khoản 2 Điều 51 của Luật này;

c) Người chưa thành niên là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.

3. Bồi thường thiệt hại được áp dụng khi có sự đồng thuận của bị hại hoặc người đại diện của họ. Cơ quan có thẩm quyền ấn định thời gian thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại nhưng không quá 01 năm.

4. Người chưa thành niên phạm tội bị áp dụng biện pháp bồi thường thiệt hại phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này từ 03 tháng đến 01 năm.

Điều 43. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn là việc buộc người chưa thành niên phạm tội phải chịu sự quản lý, giám sát, giáo dục của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ cư trú về việc tuân thủ pháp luật, thực hiện nghĩa vụ công dân, chấp hành nội quy, quy chế của nơi cư trú, nơi học tập, nơi làm việc.

2. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn có thể được áp dụng đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 37 và phạm một trong các tội quy định tại điểm a khoản 2 Điều 51 của Luật này;

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 37 và phạm một trong các tội quy định tại điểm b khoản 2 Điều 51 của Luật này.

3. Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này là từ 06 tháng đến 02 năm.

Điều 44. Quản thúc tại gia đình

1. Quản thúc tại gia đình là việc buộc người chưa thành niên phạm tội ở nhà dưới sự giám sát trực tiếp của gia đình và chỉ được rời khỏi nhà trong trường hợp cần thiết với sự cho phép của người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Quản thúc tại gia đình có thể được áp dụng đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 37 và phạm một trong các tội quy định tại điểm a khoản 2 Điều 51 của Luật này;

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý; phạm tội nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 37 và phạm một trong các tội quy định tại điểm b khoản 2 Điều 51 của Luật này.

3. Quản thúc tại gia đình được áp dụng khi có đề nghị và cam kết của cha, mẹ, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột hoặc chị ruột là người thành niên ở cùng nhà với người chưa thành niên phạm tội. Người đề nghị phải bảo đảm có nơi cư trú rõ ràng, có điều kiện cơ sở vật chất, có khả năng chăm sóc, giáo dục và trực tiếp giám sát người chưa thành niên phạm tội.

4. Thời hạn áp dụng biện pháp quản thúc tại gia đình và thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này là từ 03 tháng đến 01 năm.

Điều 45. Hạn chế khung giờ đi lại

1. Hạn chế khung giờ đi lại là việc giới hạn người chưa thành niên phạm tội ra khỏi nhà vào khung giờ nhất định trong khoảng thời gian từ 18 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, trừ trường hợp cần thiết được người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng cho phép.

2. Thời hạn áp dụng biện pháp hạn chế khung giờ đi lại là từ 03 tháng đến 06 tháng.

Điều 46. Cấm tiếp xúc với người có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới

1. Cấm tiếp xúc với người có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới là việc cấm người chưa thành niên phạm tội giao tiếp, liên lạc, tiếp cận với bị hại, đồng phạm, người có ảnh hưởng tiêu cực đến hành vi của người chưa thành niên có nguy cơ thúc đẩy người chưa thành niên phạm tội mới.

2. Thời hạn áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc với người có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới là từ 06 tháng đến 01 năm.

Điều 47. Cấm đến địa điểm có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới

1. Cấm đến địa điểm có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới là việc cấm người chưa thành niên phạm tội đến địa điểm đã thực hiện hành vi phạm tội hoặc địa điểm có môi trường tương tự như nơi đã thực hiện hành vi phạm tội có nguy cơ thúc đẩy người chưa thành niên phạm tội mới.

2. Thời hạn áp dụng biện pháp cấm đến địa điểm có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới là từ 06 tháng đến 01 năm.

Điều 48. Tham gia chương trình học tập, dạy nghề

1. Tham gia chương trình học tập, dạy nghề là việc người chưa thành niên phạm tội phải học tập về pháp luật, đạo đức, nghĩa vụ công dân, kỹ năng ứng xử, kỹ năng sống hoặc học nghề.

2. Cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được cơ quan tiến hành tố tụng lựa chọn có trách nhiệm đào tạo, giáo dục người chưa thành niên và phối hợp với người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thi hành biện pháp này.

3. Thời hạn áp dụng biện pháp tham gia chương trình học tập, dạy nghề là không quá 01 năm.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 49. Tham gia điều trị hoặc tư vấn tâm lý

1. Điều trị hoặc tư vấn tâm lý là việc trị liệu, can thiệp y tế nhằm khắc phục những trở ngại về tinh thần, cảm xúc, tâm trạng, tình trạng sức khỏe là nguyên nhân dẫn tới hành vi phạm tội của người chưa thành niên.

2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và tổ chức khác có chức năng điều trị hoặc tư vấn tâm lý được cơ quan tiến hành tố tụng lựa chọn có trách nhiệm thực hiện các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn để trị liệu, can thiệp cho người chưa thành niên và phối hợp với người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thi hành biện pháp này.

3. Thời hạn áp dụng biện pháp tham gia điều trị hoặc tư vấn tâm lý là không quá 01 năm.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 50. Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng

1. Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng là thực hiện công việc trực tiếp phục vụ cho lợi ích của cộng đồng nơi người chưa thành niên phạm tội cư trú, bao gồm:

a) Tham gia trồng, chăm sóc cây xanh ở khu vực công cộng; sửa chữa, làm sạch đường làng, ngõ xóm, đường phố, ngõ phố, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng hoặc công trình công cộng khác;

b) Tham gia công việc khác nhằm cải thiện môi trường sống và cảnh quan của cộng đồng;

c) Tham gia hỗ trợ giúp đỡ người cao tuổi, người khuyết tật, người có hoàn cảnh đặc biệt hoặc các hoạt động tình nguyện khác nhằm tăng cường ý thức, trách nhiệm, sự gắn kết, chia sẻ với cộng đồng.

2. Tổng thời gian thực hiện biện pháp thực hiện công việc phục vụ cộng đồng là từ 20 giờ đến 80 giờ. Việc thực hiện công việc phục vụ cộng đồng không được quá 04 giờ trong 01 ngày, không được quá 05 ngày trong 01 tuần, không được thực hiện vào thời gian từ 20 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau.

3. Việc tổ chức thi hành biện pháp thực hiện công việc phục vụ cộng đồng phải bảo đảm an toàn, tránh bị kỳ thị và ảnh hưởng đến việc học tập của người chưa thành niên.

4. Thời hạn áp dụng biện pháp thực hiện công việc phục vụ cộng đồng là không quá 03 tháng.

Điều 51. Giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Giáo dục tại trường giáo dưỡng là việc buộc người chưa thành niên phạm tội học văn hóa, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý, giáo dục trong một tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

2. Giáo dục tại trường giáo dưỡng có thể được áp dụng đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng về một trong các tội phạm sau đây: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, Tội mua bán người, Tội mua bán người dưới 16 tuổi, Tội cướp tài sản, Tội cướp giật tài sản, Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, Tội vận chuyển trái phép chất ma túy, Tội mua bán trái phép chất ma túy, Tội chiếm đoạt chất ma túy, trừ trường hợp người chưa thành niên là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án;

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội nghiêm trọng về một trong các tội phạm sau đây: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, Tội cướp giật tài sản, trừ trường hợp người chưa thành niên là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án;

c) Các trường hợp khác cần phải áp dụng, do tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của người chưa thành niên phạm tội;

d) Trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật này.

3. Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng là từ 06 tháng đến 02 năm.

Chương IV
THỦ TỤC XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 52. Thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, trừ trường hợp vụ án có yêu cầu giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại hoặc phải giải quyết vấn đề tịch thu tài sản.

2. Thẩm phán, Hội đồng xét xử có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại Điều 36 của Luật này.

Điều 53. Yêu cầu người làm công tác xã hội tham gia tố tụng

1. Ngay sau khi khởi tố bị can là người chưa thành niên, Cơ quan điều tra phải có văn bản yêu cầu người làm công tác xã hội trong danh sách quy định tại

khoản 5 Điều 32 của Luật này tham gia tố tụng. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu trực tiếp, qua điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác nhưng ngay sau đó phải gửi yêu cầu bằng văn bản.

2. Việc lựa chọn người làm công tác xã hội theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Công chức, viên chức, người lao động làm công tác xã hội cư trú cùng địa bàn đơn vị hành chính cấp xã với người chưa thành niên;

b) Công chức, viên chức, người lao động làm công tác xã hội cư trú cùng địa bàn đơn vị hành chính cấp huyện với người chưa thành niên;

c) Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã hoặc công chức văn hóa - xã hội cấp xã nơi người chưa thành niên cư trú;

d) Người làm công tác xã hội khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cơ quan điều tra, người làm công tác xã hội phải trả lời bằng văn bản về việc tham gia tố tụng. Trường hợp cần thiết có thể thông báo trực tiếp, qua điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác nhưng ngay sau đó phải gửi văn bản.

4. Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày người làm công tác xã hội xác nhận tham gia tố tụng, Cơ quan điều tra phải có văn bản thông báo về việc tham gia tố tụng và gửi cho họ. Thông báo này phải có nội dung yêu cầu người làm công tác xã hội xây dựng báo cáo điều tra xã hội về người chưa thành niên là bị can.

Văn bản thông báo về việc tham gia tố tụng của người làm công tác xã hội có giá trị trong suốt quá trình tố tụng.

5. Người làm công tác xã hội là người tham gia tố tụng kể từ khi có văn bản thông báo về việc tham gia tố tụng.

Điều 54. Xây dựng báo cáo điều tra xã hội

1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về việc tham gia tố tụng, người làm công tác xã hội phải hoàn thành báo cáo điều tra xã hội về người chưa thành niên là bị can và gửi cho Cơ quan điều tra.

2. Báo cáo điều tra xã hội phải có các nội dung chính sau đây:

a) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân, nơi cư trú của người chưa thành niên;

b) Họ và tên, nơi cư trú của người đại diện của người chưa thành niên;

c) Họ và tên, nơi làm việc (nếu có) của người làm công tác xã hội;

d) Hoàn cảnh gia đình, môi trường sống của người chưa thành niên;

đ) Mức độ trưởng thành của người chưa thành niên;

e) Tình trạng sức khỏe của người chưa thành niên;

g) Tình hình học tập, trình độ văn hóa, nghề nghiệp của người chưa thành niên;

h) Các yếu tố có thể là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên;

i) Địa điểm có nguy cơ dẫn đến người chưa thành niên phạm tội mới, người có ảnh hưởng tiêu cực đến hành vi của người chưa thành niên (nếu có);

k) Đề xuất áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng (nếu có).

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về người chưa thành niên là bị can khi người làm công tác xã hội đề nghị.

4. Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người làm công tác xã hội xây dựng báo cáo điều tra xã hội bổ sung trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử.

Điều 55. Xem xét việc áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Cơ quan điều tra nhận được báo cáo điều tra xã hội; trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Viện kiểm sát nhận được hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra đề nghị truy tố, Tòa án nhận được hồ sơ vụ án và bản cáo trạng thì Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát hoặc Thẩm phán phải căn cứ vào quy định tại các điều 35, 37, 38 và 39 của Luật này để ra thông báo áp dụng hoặc không áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng.

2. Thông báo áp dụng hoặc không áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng phải có các nội dung chính sau đây:

a) Số, ngày, tháng, năm ra thông báo;

b) Tên cơ quan ra thông báo;

c) Họ và tên của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát hoặc Thẩm phán ra thông báo;

d) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân, nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa của người chưa thành niên là bị can;

đ) Họ và tên, nơi làm việc (nếu có) của người bào chữa;

e) Lý do, căn cứ ra thông báo;

g) Áp dụng hoặc không áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng;

h) Nơi nhận thông báo.

3. Thông báo áp dụng hoặc không áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng được gửi cho người chưa thành niên là bị can, người đại diện của họ, người bào chữa, người làm công tác xã hội và Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra thông báo.

4. Ngay sau khi ra thông báo áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án giải quyết như sau:

a) Nếu xét thấy người chưa thành niên thuộc trường hợp được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng thì có văn bản yêu cầu người làm công tác xã hội xây dựng kế hoạch xử lý chuyển hướng, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

Văn bản yêu cầu phải có các thông tin về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của người chưa thành niên và các thông tin khác cần thiết cho việc xây dựng kế hoạch xử lý chuyển hướng;

b) Nếu xét thấy người chưa thành niên thuộc trường hợp được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng mà hồ sơ vụ án đã có kế hoạch xử lý chuyển hướng, thì Viện kiểm sát, Tòa án xem xét mở phiên họp theo quy định tại Điều 59 của Luật này khi thấy không cần thiết phải bổ sung hoặc xây dựng kế hoạch xử lý chuyển hướng mới;

c) Nếu xét thấy người chưa thành niên thuộc trường hợp được áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có văn bản, kèm theo hồ sơ vụ án đề nghị Tòa án xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Trường hợp tự xét thấy người chưa thành niên thuộc trường hợp áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng thì Tòa án xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

5. Trong quá trình áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng, nếu vụ án có yêu cầu về bồi thường thiệt hại hoặc phải giải quyết vấn đề tịch thu tài sản thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có văn bản, kèm theo hồ sơ vụ án đề nghị Tòa án xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại hoặc tịch thu tài sản.

6. Trường hợp Cơ quan điều tra đề nghị Tòa án xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo quy định tại điểm c khoản 4 và khoản 5 Điều này thì Cơ quan điều tra phải thông báo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp.

7. Việc áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng không làm chấm dứt các hoạt động tố tụng cần thiết để giải quyết vụ án.

Trường hợp vụ án hình sự đang áp dụng thủ tục rút gọn mà có người chưa thành niên thuộc trường hợp được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn và giải quyết vụ án theo quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự.

8. Khi ra thông báo không áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật này.

9. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết tại các khoản 4, 5 và 7 Điều này.

Điều 56. Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải có các nội dung chính sau đây:

a) Số, ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên cơ quan ra quyết định;

c) Họ và tên của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán hoặc Hội đồng xét xử ra quyết định;

d) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân, nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa của người chưa thành niên;

đ) Họ và tên, nơi làm việc (nếu có) của người bào chữa;

e) Tội danh, điều, khoản, điểm của Bộ luật Hình sự được áp dụng;

g) Lý do, căn cứ ra quyết định;

h) Quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Trường hợp áp dụng thì nêu tên biện pháp xử lý chuyển hướng, thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, thời hạn thực hiện nghĩa vụ, đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can hoặc đình chỉ vụ án đối với bị can được áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và việc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, trả lại tài liệu, đồ vật đã tạm giữ (nếu có), việc xử lý vật chứng và các vấn đề khác có liên quan;

i) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thi hành quyết định;

k) Hiệu lực của quyết định;

l) Nơi nhận quyết định.

2. Quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng có hiệu lực thi hành kể từ ngày công bố.

Quyết định này có thể bị khiếu nại, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 151 của Luật này; có thể bị kiến nghị, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này và khoản 6 Điều 151 của Luật này.

3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày công bố quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án thực hiện như sau:

a) Giao quyết định cho người chưa thành niên là bị can, người đại diện của họ; gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp, bị hại; gửi cho Cơ quan điều tra cùng cấp trong trường hợp Viện kiểm sát ra quyết định;

b) Gửi quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng và bản sao Báo cáo điều tra xã hội cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chưa thành niên cư trú;

c) Gửi quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng bồi thường thiệt hại cho cơ quan thi hành án dân sự.

4. Trường hợp quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Cơ quan điều tra không có căn cứ, trái pháp luật thì trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, Viện kiểm sát giải quyết như sau và nêu rõ lý do:

a) Ra quyết định hủy quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và yêu cầu Cơ quan điều tra tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự;

b) Ra quyết định hủy quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng hoặc quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và yêu cầu Cơ quan điều tra mở lại phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được quyết định quy định tại điểm này, Cơ quan điều tra phải mở lại phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

c) Trường hợp hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra đề nghị truy tố đã chuyển cho Viện kiểm sát thì Viện kiểm sát xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo quy định của Luật này.

5. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày công bố quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Tòa án thực hiện như sau:

a) Giao quyết định cho người chưa thành niên là bị can, người đại diện của họ; gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp, bị hại; gửi cho cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng (nếu có);

b) Gửi quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng và bản sao báo cáo điều tra xã hội cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chưa thành niên cư trú;

c) Trả hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã đề nghị trong trường hợp Tòa án không chấp nhận đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật này.

Điều 57. Giải quyết trường hợp người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng phạm tội khác

Trường hợp người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội khác thì không bị truy cứu về hành vi phạm tội đã bị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Mục 2
THỦ TỤC XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG TẠI CỘNG ĐỒNG

Điều 58. Xây dựng kế hoạch xử lý chuyển hướng

1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, người làm công tác xã hội phải xây dựng kế hoạch xử lý chuyển hướng và gửi đến cơ quan đã yêu cầu.

2. Kế hoạch xử lý chuyển hướng phải có các nội dung chính sau đây:

a) Biện pháp xử lý chuyển hướng đề xuất áp dụng;

b) Thời gian, địa điểm thực hiện;

c) Quyền, nghĩa vụ của người chưa thành niên theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

d) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

3. Trường hợp cần thiết, người làm công tác xã hội đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án cung cấp thông tin hoặc tổ chức cuộc họp để xây dựng kế hoạch xử lý chuyển hướng. Cuộc họp do người làm công tác xã hội chủ trì, có sự tham gia của người đại diện của người chưa thành niên là bị can và có thể có sự tham gia của người chưa thành niên là bị can, bị hại hoặc người đại diện của bị hại.

Trường hợp đề xuất áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tham gia chương trình học tập, dạy nghề, tham gia điều trị hoặc tư vấn tâm lý đối với người chưa thành niên thì người làm công tác xã hội phải phối hợp, thống nhất với cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc tổ chức, cá nhân khác có liên quan để xác định cụ thể nội dung, chương trình học tập, học nghề, điều trị, tư vấn tâm lý phù hợp với người chưa thành niên.

4. Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, người làm công tác xã hội xây dựng kế hoạch xử lý chuyển hướng bổ sung trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử.

Điều 59. Quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng

1. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được kế hoạch xử lý chuyển hướng hoặc kể từ ngày ra thông báo áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng nếu thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 55 của Luật này, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát hoặc Thẩm phán ra quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng.

2. Quyết định mở phiên họp phải có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định, tên cơ quan ra quyết định;

b) Ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên họp trực tiếp hoặc trực tuyến;

c) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân, nơi cư trú của người chưa thành niên là bị can;

d) Họ và tên, nơi cư trú của người đại diện của người chưa thành niên là bị can;

đ) Họ và tên của Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán chủ trì phiên họp; Thư ký phiên họp;

e) Họ và tên của Kiểm sát viên tham gia phiên họp trong trường hợp Cơ quan điều tra, Tòa án mở phiên họp;

g) Họ và tên, nơi làm việc (nếu có) của người bào chữa;

h) Họ và tên, nơi làm việc (nếu có) của người làm công tác xã hội;

i) Họ và tên người phiên dịch (nếu có);

k) Họ và tên những người khác được yêu cầu tham gia phiên họp (nếu có).

3. Thành phần tham gia phiên họp gồm:

a) Người tiến hành phiên họp: Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát; Thẩm phán; Thư ký phiên họp;

b) Người tham gia phiên họp: Kiểm sát viên tham gia phiên họp trong trường hợp Cơ quan điều tra, Tòa án mở phiên họp; Điều tra viên trong trường hợp Viện kiểm sát mở phiên họp;

c) Người khác tham gia phiên họp: người chưa thành niên là bị can, người đại diện, người bào chữa của họ; người làm công tác xã hội; bị hại (nếu có);

d) Trường hợp cần thiết, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án yêu cầu người giám định, người phiên dịch, người dịch thuật, chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học, đại diện cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nơi người chưa thành niên là bị can học tập, đại diện cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên là bị can làm việc, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận nơi người chưa thành niên cư trú và những người khác tham gia phiên họp.

4. Quyết định mở phiên họp phải được gửi cho những người quy định tại điểm c khoản 3 Điều này, Viện kiểm sát cùng cấp, Cơ quan điều tra trong trường hợp Viện kiểm sát mở phiên họp ngay sau khi ra quyết định. Phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng được tổ chức trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định mở phiên họp.

Điều 60. Phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng

1. Trước khi khai mạc phiên họp, Thư ký phiên họp kiểm tra sự có mặt của những người được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án yêu cầu tham gia phiên họp; nếu có người vắng mặt thì phải làm rõ lý do và báo cáo người chủ trì phiên họp để xem xét tiếp tục tiến hành phiên họp hoặc hoãn phiên họp.

2. Thủ tục phiên họp được tiến hành như sau:

a) Người chủ trì phiên họp khai mạc phiên họp;

b) Người làm công tác xã hội trình bày kế hoạch xử lý chuyển hướng;

c) Người chưa thành niên là bị can, người đại diện của họ trình bày ý kiến;

d) Người bào chữa trình bày ý kiến;

đ) Những người khác tham gia phiên họp trình bày ý kiến để làm rõ các vấn đề có liên quan;

e) Người chủ trì phiên họp điều hành việc hỏi để làm rõ các vấn đề có liên quan;

g) Kiểm sát viên phát biểu ý kiến;

h) Người chủ trì phiên họp quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và công bố nội dung quyết định ngay tại phiên họp.

Nếu xét thấy người chưa thành niên thuộc trường hợp áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc phát sinh yêu cầu giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại hoặc phải giải quyết vấn đề tịch thu tài sản thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có văn bản, kèm theo hồ sơ vụ án đề nghị Tòa án xem xét, quyết định.

Nếu xét thấy người chưa thành niên thuộc trường hợp áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng thì Thẩm phán ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

3. Phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng phải được tổ chức thân thiện, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên. Việc hỏi người chưa thành niên phải phù hợp với lứa tuổi, giới tính, khả năng nhận thức và mức độ trưởng thành của họ. Câu hỏi cần ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu, không hỏi nhiều vấn đề cùng một lúc. Người đại diện của người chưa thành niên có thể hỗ trợ họ tại phiên họp.

4. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án xem xét hoãn phiên họp khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người phiên dịch vắng mặt mà không có người khác thay thế ngay được;

b) Người chưa thành niên là bị can, người đại diện của họ vắng mặt lần thứ nhất có lý do chính đáng.

5. Thời hạn hoãn phiên họp là không quá 05 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn. Quyết định hoãn phiên họp phải được thông báo ngay cho những người có mặt tại phiên họp; gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và những người vắng mặt tại phiên họp trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Điều 61. Biên bản phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng

1. Biên bản phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên họp; thành phần tham gia phiên họp; nội dung, diễn biến phiên họp; quyết định của người chủ trì phiên họp.

2. Sau khi kết thúc phiên họp, người chủ trì phiên họp phải kiểm tra biên bản, cùng với Thư ký phiên họp ký vào biên bản.

Điều 62. Thủ tục Tòa án xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng theo đề nghị của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát

1. Ngay sau khi nhận được văn bản đề nghị, kèm theo hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát theo quy định tại khoản 5 Điều 55 và điểm h khoản 2 Điều 60 của Luật này, Chánh án Tòa án phải phân công một Thẩm phán giải quyết. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày được phân công, Thẩm phán giải quyết như sau:

a) Trường hợp hồ sơ vụ án đã có kế hoạch xử lý chuyển hướng thì ra quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, trừ trường hợp phải yêu cầu bổ sung tài liệu;

b) Trường hợp hồ sơ vụ án chưa có kế hoạch xử lý chuyển hướng thì yêu cầu người làm công tác xã hội xây dựng kế hoạch xử lý chuyển hướng theo quy định tại Điều 58 của Luật này. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được kế hoạch xử lý chuyển hướng, Thẩm phán ra quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng.

2. Trường hợp bị can đang bị tạm giam thì Chánh án, Phó Chánh án xem xét, quyết định việc tiếp tục tạm giam hoặc hủy bỏ, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác theo quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự.

Thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn là cho đến khi Tòa án công bố quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

3. Quyết định mở phiên họp, thành phần phiên họp, thời gian mở phiên họp, hoãn phiên họp, biên bản phiên họp và việc yêu cầu bổ sung tài liệu được thực hiện theo quy định tương ứng tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 64, Điều 65, khoản 4, khoản 5 Điều 66 và Điều 67 của Luật này.

4. Trước khi khai mạc phiên họp, Thư ký phiên họp phải kiểm tra sự có mặt của những người được Tòa án yêu cầu tham dự phiên họp; nếu có người vắng mặt thì phải làm rõ lý do và báo cáo Thẩm phán để xem xét tiếp tục tiến hành phiên họp hoặc hoãn phiên họp. Thủ tục phiên họp được tiến hành như sau:

a) Thẩm phán khai mạc phiên họp;

b) Đại diện cơ quan đề nghị trình bày nội dung đề nghị;

c) Người làm công tác xã hội trình bày kế hoạch xử lý chuyển hướng;

d) Người chưa thành niên là bị can, người đại diện, người bào chữa của họ trình bày ý kiến;

đ) Những người khác tham gia phiên họp trình bày ý kiến để làm rõ các vấn đề có liên quan;

e) Thẩm phán hỏi đại diện cơ quan đề nghị, người chưa thành niên là bị can, người đại diện của họ và những người khác tham gia phiên họp để làm rõ các vấn đề có liên quan;

g) Người chưa thành niên là bị can, người đại diện, người bào chữa của họ tranh luận các vấn đề có liên quan. Việc tranh luận được tiến hành theo sự điều hành của Thẩm phán. Người tham gia tranh luận có quyền đối đáp lại ý kiến của người khác. Thẩm phán không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho họ tranh luận, trình bày hết ý kiến; có quyền yêu cầu dừng những ý kiến không liên quan và ý kiến lặp lại;

h) Kiểm sát viên phát biểu ý kiến;

i) Thẩm phán quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng hoặc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng nếu xét thấy người chưa thành niên thuộc trường hợp áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại hoặc tịch thu tài sản và công bố nội dung quyết định ngay tại phiên họp.

Việc quyết định tạm giam đối với người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 66 của Luật này.

5. Phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng phải được tổ chức thân thiện theo quy định tại khoản 3 Điều 60 của Luật này.

6. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày công bố quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, Tòa án thực hiện như sau:

a) Giao quyết định cho người chưa thành niên là bị can, người đại diện của họ; gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp, bị hại, cơ quan đề nghị;

b) Gửi quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng và bản sao báo cáo điều tra xã hội cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chưa thành niên cư trú;

c) Gửi quyết định cho cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp với Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

d) Gửi quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng và bản sao báo cáo điều tra xã hội cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chưa thành niên cư trú;

đ) Trả hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã đề nghị trong trường hợp không chấp nhận đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng để tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật này.

Mục 3
THỦ TỤC XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG

Điều 63. Xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Tòa án xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng trong các trường hợp sau đây:

a) Theo đề nghị của Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát quy định tại điểm c khoản 4 Điều 55 và điểm h khoản 2 Điều 60 của Luật này;

b) Tòa án tự mình xét thấy người chưa thành niên thuộc trường hợp được áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng theo quy định của Luật này.

2. Ngay sau khi nhận được văn bản đề nghị, kèm theo hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Chánh án Tòa án phải phân công một Thẩm phán giải quyết.

3. Trường hợp bị can đang bị tạm giam thì Chánh án, Phó Chánh án xem xét, quyết định việc tiếp tục tạm giam hoặc hủy bỏ, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác theo quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự.

Thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn là cho đến khi Tòa án công bố quyết định về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Điều 64. Quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày được phân công theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Luật này hoặc trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 của Luật này thì Thẩm phán phải ra quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 của Luật này.

2. Quyết định mở phiên họp phải có các nội dung chính sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định, tên Tòa án ra quyết định;

b) Ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên họp trực tiếp hoặc trực tuyến;

c) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân, nơi cư trú của người chưa thành niên là bị can;

d) Họ và tên, nơi cư trú của người đại diện của người chưa thành niên là bị can;

đ) Tên cơ quan đề nghị;

e) Họ và tên Thẩm phán, Thư ký phiên họp;

g) Họ và tên Kiểm sát viên tham gia phiên họp;

h) Họ và tên, nơi làm việc (nếu có) của người bào chữa;

i) Họ và tên, nơi làm việc (nếu có) của người làm công tác xã hội;

k) Họ và tên người phiên dịch (nếu có);

l) Họ và tên những người khác được yêu cầu tham gia phiên họp (nếu có).

3. Thành phần phiên họp gồm:

a) Người tiến hành phiên họp: Thẩm phán, Thư ký phiên họp;

b) Người tham gia phiên họp: đại diện cơ quan đề nghị, Kiểm sát viên tham gia phiên họp;

c) Người khác tham gia phiên họp: người chưa thành niên là bị can, người đại diện, người bào chữa của họ; người làm công tác xã hội; bị hại (nếu có);

d) Trường hợp cần thiết, Tòa án yêu cầu người giám định, người phiên dịch, người dịch thuật, chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học, đại diện cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nơi người chưa thành niên học tập, đại diện cơ

quan, tổ chức nơi người chưa thành niên làm việc, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận nơi người chưa thành niên cư trú và những người khác tham gia phiên họp.

4. Quyết định mở phiên họp phải được gửi cho những người quy định tại điểm c khoản 3 Điều này, Cơ quan đề nghị và Viện kiểm sát cùng cấp ngay sau khi ra quyết định. Phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng được tổ chức trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định mở phiên họp.

Điều 65. Yêu cầu bổ sung tài liệu

1. Thẩm phán yêu cầu Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát bổ sung tài liệu trong trường hợp hồ sơ vụ án có tài liệu chưa rõ hoặc có mâu thuẫn cần bổ sung, làm rõ.

2. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ tài liệu cần bổ sung và lý do của việc yêu cầu bổ sung.

3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án, cơ quan được yêu cầu phải gửi tài liệu bổ sung cho Tòa án. Trường hợp không bổ sung được tài liệu thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu bổ sung hoặc kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này mà cơ quan được yêu cầu không bổ sung được tài liệu, Thẩm phán ra quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Điều 66. Phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Trước khi khai mạc phiên họp, Thư ký phiên họp phải kiểm tra sự có mặt của những người được Tòa án yêu cầu tham dự phiên họp; nếu có người vắng mặt thì phải làm rõ lý do và báo cáo Thẩm phán để xem xét tiếp tục tiến hành phiên họp hoặc hoãn phiên họp.

2. Thủ tục phiên họp được tiến hành như sau:

a) Thẩm phán khai mạc phiên họp;

b) Đại diện cơ quan đề nghị trình bày nội dung đề nghị;

c) Người chưa thành niên là bị can, người đại diện, người bào chữa của họ trình bày ý kiến;

d) Người làm công tác xã hội tham gia phiên họp trình bày báo cáo điều tra xã hội;

đ) Những người khác tham gia phiên họp trình bày ý kiến để làm rõ các vấn đề có liên quan;

e) Thẩm phán hỏi đại diện cơ quan đề nghị, người chưa thành niên là bị can, người đại diện của họ và những người khác tham gia phiên họp để làm rõ các vấn đề có liên quan;

g) Người chưa thành niên là bị can, người đại diện, người bào chữa của họ tranh luận các vấn đề có liên quan với đại diện cơ quan đề nghị. Việc tranh luận được tiến hành theo sự điều hành của Thẩm phán. Người tham gia tranh luận có quyền đối đáp lại ý kiến của người khác. Thẩm phán không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho họ tranh luận, trình bày hết ý kiến; có quyền yêu cầu dừng những ý kiến không liên quan và ý kiến lặp lại;

h) Kiểm sát viên phát biểu ý kiến;

i) Thẩm phán quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng và công bố nội dung quyết định ngay tại phiên họp.

3. Phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng phải được tổ chức thân thiện theo quy định tại khoản 3 Điều 60 của Luật này.

4. Tòa án xem xét hoãn phiên họp khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đại diện cơ quan đề nghị vắng mặt;

b) Người phiên dịch vắng mặt mà không có người khác thay thế ngay được;

c) Người chưa thành niên là bị can, người đại diện của họ vắng mặt lần thứ nhất có lý do chính đáng.

5. Thời hạn hoãn phiên họp là không quá 05 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn. Quyết định hoãn phiên họp phải được thông báo ngay cho những người có mặt tại phiên họp; gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và những người vắng mặt tại phiên họp trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định.

6. Thẩm phán quyết định tạm giam người chưa thành niên cho đến khi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện bàn giao họ vào trường giáo dưỡng nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người chưa thành niên đang bị tạm giam nhưng xét thấy cần tiếp tục tạm giam để bảo đảm thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;

b) Người chưa thành niên không bị tạm giam nhưng có căn cứ cho thấy họ có thể trốn hoặc tiếp tục phạm tội.

Điều 67. Biên bản phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Biên bản phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên họp; thành phần tham gia phiên họp; nội dung, diễn biến phiên họp; quyết định của Thẩm phán.

2. Sau khi kết thúc phiên họp, Thẩm phán phải kiểm tra biên bản, cùng với Thư ký phiên họp ký vào biên bản.

Điều 68. Giải quyết trường hợp Tòa án không áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Trường hợp Tòa án không chấp nhận đề nghị của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát về áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng thì trả hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát để tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật này.

2. Trường hợp Tòa án tự mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng mà người chưa thành niên là bị can không được áp dụng biện pháp này thì Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật này.

Mục 4
KHIẾU NẠI, KIẾN NGHỊ QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG

Điều 69. Người có quyền khiếu nại, kiến nghị quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Khi có căn cứ cho rằng quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng trái pháp luật thì thẩm quyền kiến nghị được thực hiện như sau:

a) Cơ quan điều tra tham gia phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng có quyền kiến nghị quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Viện kiểm sát, Tòa án;

b) Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Tòa án, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 151 của Luật này.

2. Bị can là người chưa thành niên, bị hại, người đại diện của họ có quyền khiếu nại quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 70. Thời hạn khiếu nại, kiến nghị

Thời hạn khiếu nại, kiến nghị là 05 ngày kể từ ngày công bố hoặc nhận được quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan mà người có quyền khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hạn thì thời gian có lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan đó không tính vào thời hạn khiếu nại.

Điều 71. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại, kiến nghị

1. Khiếu nại đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra do Thủ trưởng Cơ quan điều tra xem xét, giải quyết trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Khiếu nại đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Thủ trưởng Cơ quan điều tra do Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp xem xét, giải quyết trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

2. Khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát do Viện trưởng Viện kiểm sát xem xét, giải quyết trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị.

Khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Viện trưởng Viện kiểm sát do Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị.

Khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, giải quyết trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị.

3. Khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Thẩm phán do Chánh án Tòa án xem xét, giải quyết trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị.

Khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng của Thẩm phán giữ chức vụ Chánh án do Chánh án Tòa án trên một cấp xem xét, giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị.

Điều 72. Giải quyết khiếu nại, kiến nghị

1. Trong thời hạn quy định tại Điều 71 của Luật này, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, kiến nghị phải ra một trong các quyết định sau đây:

a) Chấp nhận khiếu nại, kiến nghị và hủy quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng để tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật này;

b) Chấp nhận khiếu nại, kiến nghị và hủy quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng hoặc quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền mở lại phiên họp xem xét quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị thì cơ quan, người có thẩm quyền phải mở lại phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

c) Không chấp nhận khiếu nại, kiến nghị và giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng hoặc quyết định không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, kiến nghị phải gửi quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị cho người đã khiếu nại, kiến nghị, Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng; người chưa thành niên và người đại diện của họ, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng cư trú trong trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

3. Quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị có hiệu lực pháp luật và là quyết định cuối cùng.

4. Trường hợp hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra đề nghị truy tố đã chuyển cho Viện kiểm sát thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại quy định tại khoản 1 Điều 71 của Luật này ra quyết định đình chỉ việc giải quyết khiếu nại.

Trường hợp hồ sơ vụ án và bản cáo trạng đã chuyển cho Tòa án thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều 71 của Luật này ra quyết định đình chỉ việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị.

Chương V
THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG

Mục 1
THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHUYỂN HƯỚNG TẠI CỘNG ĐỒNG

Điều 73. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng cư trú có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

b) Quyết định danh sách người giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại địa phương; phân công người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

c) Chỉ đạo tổ chức các chương trình dạy nghề, tìm việc làm, các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống, các dịch vụ y tế, xã hội, hoạt động cộng đồng trên địa bàn để tạo điều kiện cho người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng tham gia;

d) Hỗ trợ cho người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng được hưởng đầy đủ quyền ưu tiên và các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với người chưa thành niên theo quy định;

đ) Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, gia đình và cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng học tập, làm việc giám sát, giáo dục người đó;

e) Chỉ đạo lập dự toán kinh phí cho việc thực hiện các biện pháp xử lý chuyển hướng, trình cấp có thẩm quyền quyết định;

g) Báo cáo cơ quan tiến hành tố tụng đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng về kết quả chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng;

h) Tổ chức tập huấn cho người giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng hoặc cử họ tham gia các chương trình tập huấn;

i) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Công an xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Công an cấp xã) làm đầu mối, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Lập và quản lý hồ sơ thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

b) Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định danh sách người giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại địa phương theo thứ tự ưu tiên sau đây: người làm công tác xã hội; cộng tác viên công tác xã hội cấp xã; đại diện Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc người có uy tín trong cộng đồng dân cư có đạo đức tốt, có điều kiện, khả năng và kinh nghiệm trong việc giáo dục, giúp đỡ người chưa thành niên;

c) Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phân công người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

d) Phối hợp với người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, gia đình và các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng;

đ) Hướng dẫn, giúp đỡ người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng thực hiện các thủ tục đăng ký thường trú, tạm trú, lưu trú, khai báo tạm vắng, cấp mới, cấp đổi hoặc cấp lại thẻ căn cước; theo dõi việc vắng mặt tại nơi cư trú, chuyển nơi cư trú của người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng;

e) Tiếp nhận người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng từ nơi khác chuyển đến lưu trú hoặc tạm trú trong thời gian vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú và nhận xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật trong thời gian người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng lưu trú, tạm trú tại địa phương;

g) Định kỳ hoặc khi có yêu cầu, tổng hợp số liệu, đánh giá tình hình, kết quả thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng trong phạm vi thẩm quyền, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan có thẩm quyền;

h) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Phối hợp với cơ quan, người có thẩm quyền, gia đình trong việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

b) Triển khai biện pháp xử lý chuyển hướng đã được áp dụng hoặc cung cấp các dịch vụ cần thiết để hỗ trợ người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng;

c) Giúp đỡ và tạo điều kiện cho người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng thực hiện và hoàn thành nghĩa vụ;

d) Đánh giá tình hình chấp hành, hiệu quả của các biện pháp xử lý chuyển hướng mà mình triển khai đối với người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng và đề xuất giải pháp (nếu có) gửi người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

4. Việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng bồi thường thiệt hại của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát được quy định như sau:

a) Cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện thi hành quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cùng cấp;

b) Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh thi hành quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Cơ quan điều tra Bộ Công an, Cơ quan điều tra Bộ Quốc phòng hoặc Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

c) Thủ tục thi hành quyết định quy định tại khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

5. Cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng có trách nhiệm theo dõi việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

6. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 74. Tính thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 11 Điều 36 của Luật này được tính từ ngày người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng có mặt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để nghe thông báo về việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều 36 của Luật này được tính từ ngày cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc tổ chức có chức năng điều trị hoặc tư vấn tâm lý tiếp nhận họ.

Điều 75. Lựa chọn, thay thế người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Ngay sau khi nhận được quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển quyết định này cho Công an cấp xã để thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, Công an cấp xã, căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, năng lực, khối lượng công việc của các cá nhân thuộc danh sách quy định tại điểm b khoản 1 Điều 73 của Luật này, đề xuất người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Người làm công tác xã hội;

b) Cộng tác viên công tác xã hội cấp xã;

c) Đại diện Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc người có uy tín trong cộng đồng dân cư có đạo đức tốt, có điều kiện, khả năng và kinh nghiệm trong việc giáo dục, giúp đỡ người chưa thành niên.

3. Ngay sau khi nhận được đề xuất của Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phân công người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng. Một người có thể được phân công trực tiếp giám sát nhiều người nhưng không quá 03 người trong cùng một thời điểm.

Quyết định này phải được gửi ngay cho Công an cấp xã, người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng và người đại diện của họ.

4. Trong quá trình giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, nếu người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý

chuyển hướng không có điều kiện để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được phân công thì Công an cấp xã phải kịp thời đề xuất người khác thay thế, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 76. Thông báo về việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày phân công người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng; mời người đại diện của người đó, người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, Công an cấp xã và đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thông báo về việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Việc thông báo gồm các nội dung sau đây:

a) Quyền và nghĩa vụ của người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng;

b) Người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và trách nhiệm của họ;

c) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và gia đình trong việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

3. Thông báo về việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Điều 77. Cam kết của người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng

1. Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng phải làm bản cam kết về việc chấp hành các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này và gửi cho người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Cam kết của người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng phải có ý kiến của cha, mẹ hoặc người giám hộ của họ.

Điều 78. Trách nhiệm của gia đình trong việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Động viên, khuyến khích người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng chấp hành pháp luật, thực hiện nghĩa vụ.

2. Có biện pháp cụ thể quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng trong sinh hoạt, học tập, làm việc; khuyến khích, tạo điều kiện cho họ tham gia các phong trào, hoạt động đoàn thể, hoạt động cộng đồng, các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống (nếu có) tại nơi cư trú.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, các tổ chức, đoàn thể ở địa phương để quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng.

4. Thông báo kết quả thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng cho người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và Ủy ban nhân dân cấp xã khi có yêu cầu.

5. Phối hợp với cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức nơi người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng đang học tập, học nghề, làm việc để quản lý, động viên, giúp đỡ họ.

6. Cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng thực hiện bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

7. Phải có mặt khi người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm nghĩa vụ của người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 82 của Luật này.

Điều 79. Trách nhiệm và quyền của người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

b) Yêu cầu người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng viết cam kết theo quy định tại Điều 77 của Luật này;

c) Hướng dẫn người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng thực hiện các quyền và nghĩa vụ của họ;

d) Liên hệ với các cơ quan, tổ chức liên quan để tạo điều kiện cho người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng tham gia các chương trình học văn hóa, học nghề, lao động phù hợp, ổn định cuộc sống;

đ) Liên hệ, giới thiệu người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng tham gia các lớp kỹ năng sống, các hoạt động văn hóa, xã hội, thể thao sẵn có tại địa phương;

e) Phối hợp với cơ quan, tổ chức và gia đình trong việc giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

g) Phối hợp với Công an cấp xã và người có liên quan trong việc tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

h) Theo dõi, giám sát, đôn đốc việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

i) Định kỳ hằng tháng nhận xét, đánh giá tình hình, kết quả thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

k) Báo cáo kịp thời cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về những biểu hiện, hành vi vi phạm pháp luật của người chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng để có biện pháp ngăn ngừa, quản lý, giáo dục phù hợp;

l) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc người chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng vi phạm nghĩa vụ và phối hợp với Công an cấp xã lập biên bản vi phạm;

m) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, lập hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn thực hiện nghĩa vụ, thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng, chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng; nếu xét thấy biện pháp xử lý chuyển hướng không phù hợp hoặc việc thực hiện gặp khó khăn thì đề xuất hướng giải quyết hoặc điều chỉnh kế hoạch, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định;

n) Báo cáo kết quả việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

o) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng có quyền tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm giáo dục, giúp đỡ người chưa thành niên.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 80. Xây dựng kế hoạch thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định phân công, người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng xây dựng dự thảo kế hoạch thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

2. Kế hoạch thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải có các nội dung chính sau đây:

a) Biện pháp xử lý chuyển hướng được áp dụng;

b) Dịch vụ hỗ trợ cần thực hiện để khắc phục các yếu tố nguy cơ, nguyên nhân và điều kiện vi phạm pháp luật của người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng; cơ sở cung cấp dịch vụ hỗ trợ cần thiết; cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp;

d) Thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, dịch vụ hỗ trợ;

đ) Các hoạt động khác để thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo kế hoạch thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch.

Kế hoạch phải được gửi cho người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, người đại diện của họ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và gửi Công an cấp xã để lưu vào hồ sơ thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 81. Giải quyết trường hợp người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú

1. Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng, phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 10 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời hạn thực hiện nghĩa vụ, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó.

2. Trường hợp người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng vì lý do chính đáng mà phải thay đổi nơi cư trú thì phải làm đơn và được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được giao thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn của người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đến kiểm tra, xác minh và quyết định việc thay đổi nơi cư trú của người đó. Trường hợp chấp nhận cho thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã được giao thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải có văn bản thông báo cho người có đơn đề nghị và văn bản chuyển hồ sơ thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đến để tiếp tục tổ chức thi hành theo quy định của Luật này; trường hợp không chấp nhận thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng đến nơi cư trú mới phải trình báo ngay với Công an cấp xã nơi mình đến cư trú.

3. Văn bản chuyển hồ sơ thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng quy định tại khoản 2 Điều này phải đồng thời gửi cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Điều 82. Giải quyết trường hợp người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng vi phạm nghĩa vụ

1. Trường hợp người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật này thì người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phối hợp với Công an cấp xã lập biên bản vi phạm.

Việc lập biên bản phải có sự tham gia của người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng và người đại diện của họ. Biên bản phải gửi ngay cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để đề nghị gia hạn thời hạn thực hiện nghĩa vụ hoặc thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng mà cố ý vi phạm nghĩa vụ 01 lần trong thời gian thực hiện nghĩa vụ thì có thể bị gia hạn thời hạn thực hiện nghĩa vụ, trừ nghĩa vụ bồi thường thiệt hại quy định tại khoản 3 Điều 42 của Luật này.

3. Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng mà cố ý vi phạm nghĩa vụ 01 lần trong thời gian gia hạn thực hiện nghĩa vụ hoặc cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên trong thời gian thực hiện nghĩa vụ thì có thể bị thay đổi từ biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 83. Gia hạn thời hạn thực hiện nghĩa vụ

Việc gia hạn thời hạn thực hiện nghĩa vụ được thực hiện 01 lần như sau:

1. Thời hạn gia hạn đối với người chưa đủ 18 tuổi tại thời điểm vi phạm không quá một phần hai của thời hạn thực hiện nghĩa vụ đã áp dụng;

2. Thời hạn gia hạn đối với người từ đủ 18 tuổi tại thời điểm vi phạm bằng thời hạn thực hiện nghĩa vụ đã áp dụng.

Điều 84. Thủ tục gia hạn thời hạn thực hiện nghĩa vụ

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản vi phạm nghĩa vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải lập hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn thực hiện nghĩa vụ và gửi cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn thực hiện nghĩa vụ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Báo cáo của người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

c) Biên bản vi phạm nghĩa vụ;

d) Tài liệu khác có liên quan.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải xem xét, quyết định gia hạn thời hạn thực hiện nghĩa vụ; đối với vụ việc phức tạp, thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc. Trường hợp không gia hạn thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Quyết định gia hạn thời hạn thực hiện nghĩa vụ có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định. Quyết định này không bị khiếu nại, kiến nghị và phải gửi ngay cho người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, người đại diện của họ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã đề nghị.

Điều 85. Thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Các trường hợp thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng gồm:

a) Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng có thể được thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng khác tại cộng đồng nếu xét thấy biện pháp đang áp dụng không phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh khách quan;

b) Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật này.

2. Việc thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại điểm a khoản 1 Điều này được thực hiện 01 lần.

Điều 86. Thủ tục thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp xử lý chuyển hướng khác tại cộng đồng

1. Ngay sau khi có căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 85 của Luật này thì người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đề nghị thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp xử lý chuyển hướng khác tại cộng đồng và gửi cho cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Hồ sơ đề nghị thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Báo cáo của người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

c) Tài liệu khác có liên quan.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát hoặc Thẩm phán Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải xem xét, quyết định thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng. Trường hợp không thay đổi thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Khi quyết định thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng, cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng xem xét, quyết định thời hạn thực hiện biện pháp xử lý chuyển hướng, thời hạn thực hiện nghĩa vụ phù hợp.

5. Quyết định thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định và thay thế quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng trước đó. Quyết định này không bị khiếu nại, kiến nghị và phải gửi ngay cho người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, người đại diện của họ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã đề nghị.

Điều 87. Thủ tục thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản vi phạm nghĩa vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải lập hồ sơ đề nghị xem xét, thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng và gửi Tòa án nhân dân cấp huyện nơi người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng cư trú.

2. Hồ sơ đề nghị thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng bao gồm:

a) Văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Báo cáo của người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

c) Biên bản về việc vi phạm nghĩa vụ;

d) Bản sao hồ sơ thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

đ) Tài liệu khác có liên quan.

3. Ngay sau khi nhận được hồ sơ đề nghị, Chánh án Tòa án phải phân công một Thẩm phán giải quyết. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày được phân công, Thẩm phán xem xét, giải quyết như sau:

a) Trường hợp hồ sơ đề nghị đã đầy đủ thì ra quyết định mở phiên họp;

b) Trường hợp hồ sơ đề nghị chưa rõ ràng, đầy đủ thì yêu cầu người đề nghị bổ sung tài liệu. Người đề nghị bổ sung tài liệu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không bổ sung được tài liệu thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu bổ sung hoặc kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này mà người đề nghị không bổ sung được tài liệu, Thẩm phán ra quyết định mở phiên họp xem xét, thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

4. Quyết định mở phiên họp phải có các nội dung chính sau đây: ngày, tháng, năm ra quyết định; tên Tòa án ra quyết định; họ và tên, chức vụ, tên cơ quan của người đề nghị; họ và tên Thẩm phán, Thư ký phiên họp; ngày, tháng, năm, địa điểm mở phiên họp trực tiếp hoặc trực tuyến; họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân, nơi cư trú của người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng; tên cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng; biện pháp xử lý chuyển hướng đã được áp dụng.

Quyết định này phải gửi cho những người quy định tại điểm c khoản 5 Điều này, người đề nghị và Viện kiểm sát cùng cấp ngay sau khi ra quyết định.

5. Thành phần phiên họp gồm:

a) Người tiến hành phiên họp: Thẩm phán, Thư ký phiên họp;

b) Người tham gia phiên họp: người đề nghị hoặc người được ủy quyền, Kiểm sát viên tham gia phiên họp;

c) Người khác tham gia phiên họp: người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng; người đại diện của họ; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ (nếu có); người trực tiếp giám sát thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng;

d) Trường hợp cần thiết, Tòa án yêu cầu người phiên dịch, người dịch thuật, chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học, đại diện cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại diện cơ quan, tổ chức, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận nơi người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng học tập, làm việc, cư trú và những người khác tham gia phiên họp.

6. Phiên họp xem xét, thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng được tổ chức trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định mở phiên họp.

7. Thủ tục phiên họp được tiến hành như sau:

a) Trước khi khai mạc phiên họp, Thư ký phiên họp phải kiểm tra sự có mặt của những người được Tòa án yêu cầu tham dự phiên họp; nếu có người vắng mặt thì phải làm rõ lý do và báo cáo Thẩm phán để xem xét tiếp tục tiến hành phiên họp hoặc hoãn phiên họp;

b) Thẩm phán khai mạc phiên họp;

c) Người đề nghị hoặc người được ủy quyền trình bày đề nghị thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;

d) Những người khác tham gia phiên họp trình bày ý kiến để làm rõ những vấn đề có liên quan;

đ) Thẩm phán hỏi người đề nghị hoặc người được ủy quyền và những người khác tham gia phiên họp để làm rõ những vấn đề có liên quan;

e) Kiểm sát viên phát biểu ý kiến;

g) Thẩm phán quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng và công bố nội dung quyết định tại phiên họp.

8. Mọi diễn biến tại phiên họp được ghi vào biên bản và lưu hồ sơ. Biên bản phiên họp phải có chữ ký của Thẩm phán và Thư ký phiên họp.

9. Tòa án xem xét hoãn phiên họp khi người đề nghị hoặc người được ủy quyền vắng mặt. Thời hạn hoãn phiên họp là không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định hoãn. Quyết định hoãn phiên họp phải được thông báo ngay cho những người có mặt tại phiên họp; gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp và những người vắng mặt tại phiên họp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

10. Quyết định về việc thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng phải có các nội dung chính sau đây:

a) Số, ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Tên Tòa án ra quyết định;

c) Họ và tên của Thẩm phán ra quyết định;

d) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân, nơi cư trú, nghề nghiệp, trình độ văn hóa của người chưa thành niên;

đ) Lý do, căn cứ ra quyết định;

e) Quyết định thay đổi hoặc không thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng. Trường hợp quyết định thay đổi thì phải có nội dung đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng đã được áp dụng;

g) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thi hành quyết định;

h) Hiệu lực của quyết định;

i) Nơi nhận quyết định.

11. Quyết định về việc thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng có hiệu lực thi hành kể từ ngày công bố.

12. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày công bố, Tòa án phải giao quyết định cho người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, người đại diện của họ và gửi cho người đề nghị, Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng; gửi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng cư trú đối với trường hợp ra quyết định thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

13. Trường hợp không chấp nhận đề nghị thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng thì người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng tiếp tục thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng đã được áp dụng.

Điều 88. Khiếu nại, kiến nghị và giải quyết khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định về việc thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thay đổi, quyết định không thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện

pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng thì người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, người đại diện của họ có quyền khiếu nại, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị quyết định này.

2. Khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định thay đổi, quyết định không thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng của Thẩm phán do Chánh án Tòa án xem xét, giải quyết trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị.

Khiếu nại, kiến nghị đối với quyết định thay đổi, quyết định không thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng của Thẩm phán giữ chức vụ Chánh án do Chánh án Tòa án trên một cấp xem xét, giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, kiến nghị.

3. Trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Chánh án Tòa án có thẩm quyền phải ra một trong các quyết định sau đây:

a) Chấp nhận khiếu nại, kiến nghị và hủy quyết định thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng để tiếp tục thi hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng;

b) Chấp nhận khiếu nại, kiến nghị và hủy quyết định không thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng và ra quyết định thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;

c) Không chấp nhận khiếu nại, kiến nghị và giữ nguyên quyết định thay đổi, quyết định không thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, kiến nghị phải gửi quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị cho người đã khiếu nại, kiến nghị; người đã đề nghị thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng; cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chưa thành niên cư trú đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều này.

5. Quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị có hiệu lực pháp luật và là quyết định cuối cùng.

Điều 89. Trường hợp chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều 36 của Luật này, đã chấp hành được ít nhất một phần hai thời hạn áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng và có nhiều tiến bộ thì có thể được chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng này.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 90. Thủ tục chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng thuộc trường hợp quy định tại Điều 89 của Luật này thì người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đề nghị chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng và gửi cho cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

2. Hồ sơ đề nghị chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng bao gồm:

a) Đơn đề nghị của người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng;

b) Văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Báo cáo của người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng;

d) Tài liệu khác có liên quan.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng, cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải xem xét, quyết định chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng. Trường hợp không chấp nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Quyết định chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định và không bị khiếu nại, kiến nghị.

5. Quyết định chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng phải gửi ngay cho người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, người đại diện của họ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã đề nghị.

Điều 91. Chứng nhận chấp hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc trước khi hết thời hạn thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng hoặc ngay sau khi nhận được quyết định chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng, người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả thi hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Vào ngày cuối cùng của thời hạn chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng cho người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng.

3. Giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng được gửi cho người đại diện của người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng, cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

Cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng lưu giấy chứng nhận chấp hành xong biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng trong hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 92. Đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng

1. Các trường hợp đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng gồm:

a) Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội khác mà bị bắt tạm giam hoặc phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù;

b) Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng chết;

c) Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng bị mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi;

d) Người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng bị thay đổi sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

2. Việc đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng không làm chấm dứt nghĩa vụ bồi thường thiệt hại (nếu có).

3. Khi người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này, người trực tiếp giám sát thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo cho cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

4. Ngay sau khi nhận được thông báo, cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng ra quyết định đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng.

5. Quyết định đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng phải gửi ngay cho người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, người đại diện của người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ cư trú.

Mục 2
THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG

Điều 93. Điều kiện cơ sở vật chất của trường giáo dưỡng

1. Trường giáo dưỡng phải bảo đảm có các khu vực nhà ở, bệnh xá, học văn hóa, học nghề, vui chơi, sinh hoạt chung, luyện tập thể dục, thể thao, thư viện, các cơ sở vật chất cần thiết khác và được bố trí, thiết kế phù hợp với người chưa thành niên.

2. Phòng ở phải bảo đảm thoáng mát về mùa hè, kín gió về mùa đông, hợp vệ sinh môi trường. Diện tích chỗ nằm tối thiểu cho mỗi học sinh trường giáo dưỡng là 2,5 m^2.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 94. Thủ tục thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người chưa thành niên cư trú phải báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an để ra quyết định đưa người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an ra quyết định đưa người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng và gửi cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải lập hồ sơ và bàn giao người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng. Hồ sơ bao gồm:

a) Bản sao quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;

b) Quyết định đưa người chưa thành niên vào trường giáo dưỡng;

c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Danh bản;

đ) Bản sao báo cáo điều tra xã hội (nếu có);

e) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

4. Khi tiếp nhận học sinh, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải kiểm tra hồ sơ và lập biên bản giao nhận, tổ chức khám sức khỏe cho học sinh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận học sinh, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải thông báo việc đã tiếp nhận học sinh cho người đại diện của người đó.

5. Sau khi tiếp nhận học sinh, trường giáo dưỡng phải lập hồ sơ học sinh. Hồ sơ bao gồm:

a) Các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Biên bản giao nhận học sinh;

c) Tài liệu phản ánh kết quả chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;

d) Tài liệu khác có liên quan trong quá trình học sinh chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Điều 95. Hoãn, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng có thể được hoãn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị bệnh nặng, đang cấp cứu hoặc vì lý do sức khỏe khác mà không thể đi lại được và được bệnh viện xác nhận;

b) Có lý do chính đáng khác được Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó cư trú xác nhận.

2. Đối với trường hợp hoãn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng cư trú lập hồ sơ đề nghị Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng xem xét, quyết định. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị của người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc người đại diện của họ;

b) Kết luận của bệnh viện về tình trạng bệnh của người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này hoặc xác nhận của Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Giấy bảo lãnh của người đại diện của người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

3. Trường hợp học sinh trường giáo dưỡng bị bệnh nặng thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng lập hồ sơ và có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng xem xét, quyết định tạm đình chỉ.

Hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Chánh án Tòa án có thẩm quyền phải xem xét, quyết định.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định về việc hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Tòa án đã ra quyết định phải gửi quyết định đó cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sau đây:

a) Người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, người đại diện của họ;

b) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng cư trú;

c) Viện kiểm sát cùng cấp;

d) Trường giáo dưỡng, Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng trong trường hợp tạm đình chỉ.

6. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng cư trú có trách nhiệm quản lý họ trong thời gian được hoãn hoặc tạm đình chỉ.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng cư trú phải yêu cầu người đó cam kết bằng văn bản về việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và trình diện khi có yêu cầu, trừ trường hợp người đó bị bệnh nặng, đang cấp cứu hoặc vì lý do sức khỏe khác mà không thể đi lại được.

Trường hợp người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng bỏ trốn thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó cư trú ra quyết định truy tìm và tổ chức truy tìm, đưa người đó vào trường giáo dưỡng và thông báo cho Tòa án đã ra quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ để ra quyết định hủy quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ.

7. Trường hợp người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng vì lý do bị bệnh nặng, nếu xét thấy có dấu hiệu phục hồi sức khỏe mà vẫn lấy lý do về sức khỏe để trốn tránh việc chấp hành hoặc người đó có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó cư trú có trách nhiệm trưng cầu giám định y khoa hoặc trưng cầu giám định pháp y tâm thần. Chi phí giám định do cơ quan trưng cầu giám định chi trả.

8. Khi không còn lý do hoãn hoặc tạm đình chỉ, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng cư trú phải thông báo cho Tòa án đã ra quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ để ra quyết định hủy quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ và đưa người đó vào trường giáo dưỡng.

9. Trường hợp người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng chết thì gia đình người đó phải thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú. Ngay sau khi nhận được thông báo, Ủy ban nhân dân cấp xã phải báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

Điều 96. Đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Các trường hợp đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng gồm:

a) Người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, học sinh trường giáo dưỡng bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội khác mà bị bắt tạm giam hoặc phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù;

b) Người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, học sinh trường giáo dưỡng chết;

c) Người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, học sinh trường giáo dưỡng bị mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi;

d) Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, quyết định thay đổi biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng sang biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng bị hủy.

2. Việc đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng không làm chấm dứt nghĩa vụ bồi thường thiệt hại (nếu có).

3. Khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng cư trú, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng thông báo cho Tòa án có thẩm quyền quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 95 của Luật này để ra quyết định đình chỉ thi hành.

4. Ngay sau khi nhận được thông báo, Chánh án Tòa án có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

5. Quyết định đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng phải gửi ngay cho người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, học sinh trường giáo dưỡng quy định tại điểm a và điểm d

khoản 1 Điều này, người đại diện của họ, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, trường giáo dưỡng, Viện kiểm sát cùng cấp và Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Điều 97. Giải quyết trường hợp người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, học sinh trường giáo dưỡng bỏ trốn

1. Trường hợp người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, học sinh trường giáo dưỡng bỏ trốn thì giải quyết như sau:

a) Trường hợp người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng bỏ trốn thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó cư trú phải ra quyết định truy tìm và tổ chức truy tìm;

b) Trường hợp học sinh trường giáo dưỡng bỏ trốn thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải ra quyết định truy tìm và tổ chức truy tìm.

2. Ủy ban nhân dân và cơ quan công an các cấp có trách nhiệm phối hợp trong việc truy tìm, bắt giữ người bỏ trốn.

3. Khi phát hiện người bỏ trốn đang bị truy tìm thì giải quyết như sau:

a) Người phát hiện có trách nhiệm báo cho cơ quan công an hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất hoặc bắt giữ và đưa đến các cơ quan này để đưa đến cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi gần nhất. Khi tiếp nhận, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải lập biên bản tiếp nhận, ghi lời khai và quản lý người bỏ trốn, đồng thời thông báo ngay cho cơ quan đã ra quyết định truy tìm biết và cử người đến nhận. Trường hợp phải lưu giữ người bỏ trốn, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện ra quyết định lưu giữ trong buồng lưu giữ của Công an cấp huyện. Thời hạn lưu giữ là không quá 03 ngày kể từ ngày lưu giữ và được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Việc lấy lời khai phải bảo đảm nhanh chóng, kịp thời, có thể có sự tham gia của người đại diện của họ hoặc người làm công tác xã hội;

b) Ngay sau khi nhận được thông báo, cơ quan đã ra quyết định truy tìm phải cử người đến nhận người bỏ trốn, đưa ngay họ vào trường giáo dưỡng và báo cáo với cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an;

c) Việc giao, nhận người bỏ trốn phải lập biên bản.

4. Thời gian học sinh bỏ trốn không được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng. Người bỏ trốn phải chấp hành phần thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng còn lại.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 Điều này.

Điều 98. Chế độ quản lý học sinh

1. Học sinh phải chịu sự giám sát, quản lý của cán bộ, giáo viên trường giáo dưỡng và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của nhà trường. Cán bộ, giáo viên trường giáo dưỡng phải là người am hiểu tâm sinh lý hoặc có kinh nghiệm giải quyết các vấn đề liên quan đến người chưa thành niên.

2. Căn cứ vào độ tuổi, giới tính, sức khỏe, trình độ học vấn, tính chất và mức độ vi phạm, trường giáo dưỡng bố trí học sinh thành các đội, lớp, tổ, nhóm và phân công giáo viên trực tiếp phụ trách.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 99. Thực hiện lệnh trích xuất học sinh

1. Khi có văn bản yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng về việc trích xuất học sinh thì cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an ra lệnh trích xuất.

2. Trường hợp cần trích xuất học sinh phục vụ yêu cầu giáo dục hoặc khám bệnh, chữa bệnh thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng ra lệnh trích xuất.

3. Lệnh trích xuất học sinh phải có các nội dung chính sau đây:

a) Cơ quan, họ và tên, chức vụ, cấp bậc của người ra lệnh;

b) Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của học sinh;

c) Mục đích và thời hạn trích xuất;

d) Cơ quan, tổ chức, người nhận học sinh được trích xuất (nếu có);

đ) Ngày, tháng, năm ra lệnh; chữ ký của người ra lệnh và đóng dấu.

4. Cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm đưa và trả học sinh được trích xuất đến trường giáo dưỡng đúng thời gian đã ghi trong lệnh trích xuất; khi giao, nhận phải lập biên bản. Chi phí cho việc đi lại, ăn, ở của học sinh được trích xuất do ngân sách nhà nước bảo đảm, trừ trường hợp học sinh được đưa về gia đình chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

5. Thời gian trích xuất được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 100. Chế độ học văn hóa, giáo dục hướng nghiệp, học nghề và lao động của học sinh

1. Học sinh ở trường giáo dưỡng được học văn hóa, giáo dục hướng nghiệp, học nghề theo quy định của Chính phủ.

Trường giáo dưỡng có trách nhiệm bố trí giáo viên và tổ chức dạy học văn hóa cho học sinh. Trường hợp không thể bố trí giáo viên dạy học văn hóa theo quy

định thì trường giáo dưỡng phối hợp với cơ sở giáo dục khác để tổ chức, liên kết lớp học trực tuyến cho học sinh. Việc mở lớp học trực tuyến phải bảo đảm an toàn, tránh kỳ thị, ảnh hưởng tới tất cả các học sinh.

2. Trường giáo dưỡng phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo nghề cho học sinh.

3. Ngoài giờ học tập, học sinh từ đủ 15 tuổi phải tham gia lao động theo kế hoạch do trường giáo dưỡng tổ chức. Trường giáo dưỡng có trách nhiệm sắp xếp công việc phù hợp với lứa tuổi và sức khỏe của học sinh để bảo đảm sự phát triển bình thường về thể chất; không bố trí những công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại; bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

Thời gian lao động của học sinh không được nhiều hơn thời gian học tập. Thời gian học tập và lao động không quá 07 giờ trong 01 ngày và không quá 35 giờ trong 01 tuần.

Kết quả lao động của học sinh được sử dụng phục vụ sinh hoạt, học tập và bổ sung vào chế độ ăn, quỹ hòa nhập cộng đồng, quỹ khen thưởng của học sinh.

4. Học sinh được nghỉ ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 101. Chế độ sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, vui chơi giải trí của học sinh

1. Ngoài giờ học văn hóa, học nghề, lao động, học sinh được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác do trường giáo dưỡng tổ chức.

2. Ngoài thời gian tham gia các hoạt động giáo dục, học tập, lao động, sinh hoạt chung, học sinh theo tôn giáo được sử dụng kinh sách xuất bản dưới hình thức sách in, phát hành hợp pháp và được bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Khuyến khích học sinh phát huy năng lực, sở trường về âm nhạc, hội họa, văn học, nghệ thuật, thể dục, thể thao.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 102. Kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh và tổ chức thi

1. Trường giáo dưỡng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh và tổ chức thi học kỳ, kết thúc năm học, chuyển cấp, thi tuyển chọn học sinh giỏi hoặc hình thức thi khác.

2. Sổ điểm, học bạ, hồ sơ và các biểu mẫu liên quan đến việc học tập của học sinh phải theo mẫu thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo nơi có trường giáo dưỡng cấp chứng chỉ học văn hóa cho học sinh; cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp chứng chỉ học nghề cho học sinh.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 103. Chế độ ăn, mặc của học sinh

1. Học sinh được bảo đảm tiêu chuẩn định lượng về gạo, rau xanh, thịt, cá, trứng, đường, nước mắm, dầu ăn, bột ngọt, muối, chất đốt và một số nhu yếu phẩm cần thiết khác.

Ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật, học sinh được ăn thêm nhưng mức ăn không quá 05 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường.

Học sinh được bảo đảm ăn, uống hợp vệ sinh. Chế độ ăn đối với học sinh ốm đau, bệnh tật, thương tích do y sỹ hoặc bác sỹ chỉ định.

2. Hằng năm, học sinh được cấp quần áo và các đồ dùng sinh hoạt khác; học sinh nữ được cấp thêm đồ dùng cần thiết cho vệ sinh cá nhân. Học sinh tham gia lao động và học nghề được cấp thêm quần áo, đồ bảo hộ lao động, học nghề.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 104. Chế độ ở và đồ dùng sinh hoạt của học sinh

1. Căn cứ vào giới tính, độ tuổi, đặc điểm nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội của học sinh, trường giáo dưỡng sắp xếp chỗ ở, sinh hoạt phù hợp trong các phòng tập thể.

2. Học sinh được bố trí giường nằm có chiếu trải, màn, gối, chăn đắp và được phép sử dụng đồ dùng sinh hoạt cá nhân của mình, trừ những đồ vật bị cấm sử dụng trong trường giáo dưỡng. Đồ dùng cần thiết cho sinh hoạt của học sinh được trường cho mượn hoặc cấp.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 105. Chế độ chăm sóc y tế đối với học sinh

1. Học sinh được khám sức khỏe định kỳ; trường hợp học sinh bị ốm đau, bệnh tật, thương tích được điều trị tại bệnh xá của trường giáo dưỡng; trường hợp ốm đau, bệnh tật, thương tích nặng vượt quá khả năng điều trị của trường thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng quyết định đưa học sinh đến điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước. Chi phí khám bệnh, chữa bệnh do trường giáo dưỡng chi trả.

Trường hợp có cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ khả năng điều trị mà tự nguyện khám bệnh, chữa bệnh miễn phí cho học sinh thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng quyết định.

2. Chi phí khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 1 Điều này do ngân sách nhà nước cấp. Kinh phí tổ chức cai nghiện ma túy, điều trị HIV/AIDS cho học sinh theo quy định của pháp luật. Trường hợp học sinh được nghỉ học để đưa về gia đình chữa bệnh thì gia đình học sinh phải chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 106. Thủ tục giải quyết trường hợp học sinh chết

1. Trường hợp học sinh chết, Hiệu trưởng phải báo ngay cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng để xác định nguyên nhân chết; đồng thời phải báo ngay cho thân nhân của người chết biết.

2. Sau khi Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cho phép mai táng, trường giáo dưỡng có trách nhiệm tổ chức mai táng, báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an và thông báo cho Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng. Kinh phí cho việc mai táng do ngân sách nhà nước cấp. Trường hợp thân nhân của người chết có đơn đề nghị nhận tử thi, tro cốt hoặc hài cốt để mai táng và tự chịu chi phí thì trường giáo dưỡng giao cho thân nhân của người chết thực hiện. Việc tổ chức mai táng phải bảo đảm an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 107. Chế độ gặp thân nhân, liên lạc, nhận quà của học sinh trường giáo dưỡng

1. Học sinh được gặp thân nhân tại nơi tiếp đón của trường giáo dưỡng và phải chấp hành đúng quy định về thăm gặp.

2. Học sinh được liên lạc bằng điện thoại hoặc kết nối hình ảnh, âm thanh bằng phương tiện điện tử với thân nhân ở trong nước, có sự giám sát của giáo viên trường giáo dưỡng và tự chịu chi phí.

3. Học sinh được gửi và nhận thư, nhận quà là tiền, đồ vật, trừ rượu, bia, thuốc lá, các chất kích thích khác, đồ vật và các loại văn hóa phẩm thuộc danh mục cấm. Trường giáo dưỡng có trách nhiệm kiểm tra thư, quà trước khi học sinh gửi hoặc nhận. Học sinh có tiền hoặc giấy tờ có giá thì phải gửi trường giáo dưỡng để quản lý và sử dụng theo quy định của trường giáo dưỡng.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 108. Giải quyết trường hợp học sinh có việc tang

1. Khi có việc tang của gia đình gồm: cha, mẹ, con đẻ, người trực tiếp nuôi dưỡng và có đơn xin bảo lãnh của thân nhân được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học sinh cư trú xác nhận thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng có thể xem xét cho học sinh về gia đình không quá 05 ngày, không kể thời gian đi đường. Thời gian về gia đình được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

2. Khi giải quyết cho học sinh về gia đình, đại diện thân nhân đến nhận học sinh và viết cam kết quản lý học sinh trong thời gian được về nhà và chịu trách nhiệm đưa học sinh trở lại trường giáo dưỡng đúng thời gian quy định.

3. Hết thời gian được về gia đình, học sinh phải tự giác trở lại trường giáo dưỡng để tiếp tục chấp hành, nếu không tự giác thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng tổ chức đưa học sinh đó trở lại trường; nếu học sinh bỏ trốn thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng ra quyết định truy tìm.

Điều 109. Xếp loại thi đua cho học sinh

1. Việc xếp loại thi đua cho học sinh được đánh giá theo 04 mức: tốt, khá, trung bình, kém.

2. Trường giáo dưỡng phải xếp loại thi đua cho học sinh theo tháng, quý, năm.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 110. Chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Học sinh đã chấp hành được một phần hai thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng và xếp loại thi đua từ loại khá trở lên có thể được chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tích cực học tập, có nhiều tiến bộ;

b) Đã lập công.

2. Hiệu trưởng trường giáo dưỡng lập hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng xem xét, quyết định chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng. Hồ sơ đề nghị phải có các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị của học sinh trường giáo dưỡng;

b) Văn bản đề nghị của trường giáo dưỡng;

c) Bản sao quyết định về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;

d) Kết quả xếp loại thi đua;

đ) Bản nhận xét về việc tích cực học tập, có nhiều tiến bộ hoặc văn bản, tài liệu thể hiện việc học sinh lập công có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;

e) Tài liệu khác có liên quan.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Chánh án Tòa án xem xét, quyết định chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với học sinh. Trường hợp không chấp nhận đề nghị thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Quyết định chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định và không bị khiếu nại, kiến nghị. Quyết định này phải gửi ngay cho học sinh, người đại diện của họ, trường giáo dưỡng, Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an.

5. Ngay sau khi nhận được quyết định, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải công bố và làm thủ tục cho học sinh ra trường.

Điều 111. Khen thưởng, xử lý vi phạm đối với học sinh

1. Học sinh chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, nội quy của trường giáo dưỡng, có kết quả học tập đạt từ loại khá trở lên hoặc lập công thì được Hiệu trưởng trường giáo dưỡng quyết định khen thưởng bằng một hoặc một số hình thức sau đây:

a) Biểu dương, tặng giấy khen, tặng quà;

b) Đi tham quan do trường giáo dưỡng tổ chức;

c) Được sum họp gia đình tại trường trong thời gian 01 ngày;

d) Tăng số lần được liên lạc bằng điện thoại hoặc kết nối hình ảnh, âm thanh bằng phương tiện điện tử với thân nhân ở trong nước.

2. Học sinh vi phạm kỷ luật học tập, lao động hoặc có hành vi khác vi phạm nội quy của trường giáo dưỡng, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà Hiệu trưởng trường giáo dưỡng quyết định xử lý bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Nhắc nhở;

b) Phê bình;

c) Tạm dừng một số hoạt động giải trí trong thời gian không quá 03 ngày.

3. Quyết định khen thưởng hoặc xử lý vi phạm được lưu vào hồ sơ học sinh.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 112. Thủ tục cho học sinh ra trường

1. Hai tháng trước khi học sinh hết thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc ngay sau khi nhận được quyết định chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú và gia đình họ biết ngày ra trường.

Trường hợp học sinh dưới 18 tuổi chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng mà không rõ cha, mẹ và người giám hộ thì trường giáo dưỡng có trách nhiệm liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trường để đề nghị giúp

đỡ, sắp xếp chỗ ăn, ở và tạo việc làm, học tập; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không thể bố trí được chỗ ăn, ở đối với học sinh thì trường giáo dưỡng lập hồ sơ đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội tại địa phương nơi có trường giáo dưỡng.

2. Vào ngày cuối cùng của thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng phải tổ chức khám sức khỏe và cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng cho học sinh ra trường và gửi giấy chứng nhận này cho cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú.

3. Học sinh khi ra trường được nhận lại tiền, giấy tờ có giá, tài sản và đồ vật gửi trường quản lý, các chứng chỉ học văn hóa, học nghề được cấp trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng; được cấp tiền tàu xe, tiền ăn trong thời gian đi đường trở về nơi cư trú; được cấp 01 bộ quần áo. Trường hợp hết thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng mà học sinh vẫn chưa tiến bộ thì Hiệu trưởng phải có bản nhận xét riêng và kiến nghị các biện pháp giáo dục tiếp theo gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người đó về cư trú.

4. Đối với học sinh dưới 16 tuổi hoặc bị ốm đau, bệnh tật đến ngày được ra trường mà không có thân nhân đến đón thì trường giáo dưỡng phải cử người đưa về giao cho gia đình hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó về cư trú.

5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra trường, học sinh đã chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng phải trình báo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi về cư trú, trừ trường hợp học sinh được đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 113. Kiểm sát thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Khi kiểm sát thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Viện kiểm sát có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người phải chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng cư trú, trường giáo dưỡng tự kiểm tra việc thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát; yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc thi hành;

b) Trực tiếp kiểm sát việc thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, trường giáo dưỡng; kiểm sát hồ sơ thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;

c) Đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, trường giáo dưỡng lập hồ sơ đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định hoãn, tạm đình chỉ, chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, trường giáo dưỡng thông báo cho Tòa án có thẩm quyền để đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;

d) Kiến nghị Tòa án khi phát hiện có vi phạm liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án trong quá trình thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng;

đ) Kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, trường giáo dưỡng trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng khi phát hiện có vi phạm; yêu cầu đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng; yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật;

e) Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều này;

g) Khởi tố hoặc yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

2. Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Tòa án, cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự.

Khi kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, Viện kiểm sát có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp hoặc cấp dưới thực hiện nhiệm vụ sau đây: ra văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiểm tra việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền và của cấp dưới; thông báo kết quả giải quyết cho Viện kiểm sát; cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết khiếu nại, tố cáo cho Viện kiểm sát.

3. Trách nhiệm thực hiện yêu cầu, đề nghị, kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát về thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng được quy định như sau:

a) Đối với yêu cầu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, trường giáo dưỡng phải thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp yêu cầu lập hồ sơ theo quy định tại

khoản 3 Điều 94 của Luật này và yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc thi hành án thì phải thực hiện ngay;

b) Đối với đề nghị, kiến nghị, yêu cầu quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều này, Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, trường giáo dưỡng phải trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, kiến nghị, yêu cầu;

c) Đối với kháng nghị quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, trường giáo dưỡng có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kháng nghị; nếu không nhất trí với kháng nghị đó thì các cơ quan này có quyền khiếu nại lên Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp phải giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp phải được thi hành.

Điều 114. Khiếu nại, tố cáo trong thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1. Việc khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định chi tiết Điều này.

Phần thứ ba
HÌNH PHẠT VÀ THỦ TỤC TỐ TỤNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

Chương VI
HÌNH PHẠT

Mục 1
CÁC HÌNH PHẠT

Điều 115. Các hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội

Người chưa thành niên phạm tội chỉ bị áp dụng một trong các hình phạt sau đây đối với mỗi tội phạm:

1. Cảnh cáo;

2. Phạt tiền;

3. Cải tạo không giam giữ;

4. Tù có thời hạn.

Điều 116. Cảnh cáo

Cảnh cáo được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội nghiêm trọng do vô ý, phạm tội ít nghiêm trọng và có tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.

Điều 117. Phạt tiền

1. Phạt tiền được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội, nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng.

2. Mức tiền phạt đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai mức tiền phạt mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định.

3. Mức tiền phạt đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội không quá một phần ba mức tiền phạt mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định.

Điều 118. Cải tạo không giam giữ

1. Cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng.

2. Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội thì không khấu trừ thu nhập của họ.

3. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội không quá một phần hai thời hạn mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định.

Điều 119. Tù có thời hạn

Mức phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định như sau:

1. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật của Bộ luật Hình sự được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 15 năm tù, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần năm mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

2. Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật của Bộ luật Hình sự được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định khi phạm một trong các tội sau đây:

a) Tội giết người;

b) Tội hiếp dâm;

c) Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi;

d) Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;

đ) Tội sản xuất trái phép chất ma túy;

3. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật của Bộ luật Hình sự được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 09 năm tù, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá hai phần năm mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

4. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật của Bộ luật Hình sự được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định khi phạm một trong các tội sau đây:

a) Tội giết người;

b) Tội hiếp dâm;

c) Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi;

d) Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;

đ) Tội sản xuất trái phép chất ma túy.

Mục 2
QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT, TỔNG HỢP HÌNH PHẠT, MIỄN GIẢM HÌNH PHẠT, XÓA ÁN TÍCH

Điều 120. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt

1. Tòa án quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên trong trường hợp chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt theo các điều của Bộ luật Hình sự về các tội phạm tương ứng tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng.

2. Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần ba mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật của Bộ luật Hình sự được áp dụng.

Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần hai mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật của Bộ luật Hình sự được áp dụng.

3. Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần ba mức hình phạt quy định tại các điều 117, 118 và 119 của Luật này.

Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần hai mức hình phạt quy định tại các điều 117, 118 và 119 của Luật này.

Điều 121. Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

1. Khi xét xử cùng một lần người chưa thành niên phạm nhiều tội thì Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt chung theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Nếu hình phạt chung là cải tạo không giam giữ thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 03 năm.

Nếu hình phạt chung là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không được vượt quá 18 năm đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội và 12 năm đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội.

2. Đối với người chưa thành niên phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi, việc tổng hợp hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, việc tổng hợp hình phạt chung áp dụng như đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội.

Điều 122. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án

Việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước hoặc sau khi có bản án này thì được thực hiện theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Trong trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp thì việc tổng hợp được thực hiện theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 121 của Luật này.

Điều 123. Giảm mức hình phạt đã tuyên

1. Người chưa thành niên phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu có tiến bộ và đã chấp hành được một phần tư thời hạn thì được Tòa án xét giảm; riêng đối với hình phạt tù, mỗi lần có thể giảm đến 04 năm nhưng phải bảo đảm đã chấp hành ít nhất là hai phần năm mức hình phạt đã tuyên.

2. Người chưa thành niên phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì được xét giảm ngay và có thể được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

3. Người chưa thành niên phạm tội bị phạt tiền nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra hoặc lập công thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định giảm hoặc miễn việc chấp hành phần tiền phạt còn lại.

Điều 124. Án treo

Khi xử phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào nhân thân của người chưa thành niên phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù thì Tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 03 năm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Điều 125. Hoãn chấp hành hình phạt tù

Người chưa thành niên bị xử phạt tù có thể được hoãn chấp hành hình phạt tù trong các trường hợp sau đây:

1. Các trường hợp có thể được hoãn chấp hành hình phạt tù theo quy định của Bộ luật Hình sự;

2. Trường hợp người chưa thành niên bị xử phạt tù đã đăng ký và đủ điều kiện tham gia hoặc đang tham gia kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông, thi tốt nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, được cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nơi người đó học tập xác nhận thì có thể được hoãn cho đến khi thực hiện xong kỳ thi.

Điều 126. Tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Người chưa thành niên đang chấp hành án phạt tù có thể được tha tù trước thời hạn khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt;

b) Đã chấp hành được một phần ba thời hạn phạt tù;

c) Có nơi cư trú rõ ràng.

2. Thời điểm xét tha tù trước thời hạn có điều kiện được thực hiện ngay khi có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền phải lập hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện và chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị.

3. Theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người bị kết án. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách. Thời gian thử thách bằng thời gian còn lại của hình phạt tù.

4. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính 02 lần trở lên trong thời gian thử thách thì Tòa án có thể hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người đó và buộc họ phải chấp hành phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành.

Nếu người đó thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách, Tòa án buộc người đó chấp hành hình phạt của bản án mới và tổng hợp với phần hình phạt tù chưa chấp hành của bản án trước theo quy định tại Điều 122 của Luật này.

5. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đã chấp hành được ít nhất một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

Điều 127. Xóa án tích

1. Người chưa thành niên bị kết án được coi là không có án tích, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi;

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý.

2. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đương nhiên được xóa án tích nếu từ khi chấp hành xong hình phạt hoặc hết thời gian thử thách án treo hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

a) 03 tháng trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo;

b) 06 tháng trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;

c) 01 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;

d) 02 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 15 năm.

Chương VII
THỦ TỤC TỐ TỤNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN LÀ NGƯỜI BỊ TỐ GIÁC, NGƯỜI BỊ KIẾN NGHỊ KHỞI TỐ, NGƯỜI BỊ GIỮ TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP, NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 128. Những vấn đề cần xác định khi tiến hành tố tụng đối với người chưa thành niên là người bị buộc tội

1. Tuổi, mức độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của người chưa thành niên.

2. Điều kiện sinh sống và giáo dục.

3. Có hay không có người thành niên xúi giục.

4. Nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội.

Điều 129. Thời hạn điều tra, thời hạn quyết định việc truy tố, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm

1. Thời hạn điều tra, thời hạn quyết định việc truy tố, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đối với vụ án có người chưa thành niên là người bị buộc tội không quá một phần hai thời hạn tương ứng được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp vụ án có tính chất đặc biệt phức tạp hoặc trong giai đoạn truy tố, xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát, Tòa án ra thông báo áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng thì được áp dụng quy định tương ứng về thời hạn điều tra, thời hạn quyết định việc truy tố, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết Điều này.

Điều 130. Bào chữa

1. Người chưa thành niên là người bị buộc tội có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa.

2. Người đại diện của người chưa thành niên là người bị buộc tội có quyền lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho người chưa thành niên là người bị buộc tội.

3. Trường hợp người chưa thành niên là người bị buộc tội không đồng ý người bào chữa do người đại diện lựa chọn thì phải lựa chọn theo ý kiến của người chưa thành niên là người bị buộc tội.

4. Trường hợp người chưa thành niên là người bị buộc tội không nhờ người bào chữa hoặc người đại diện của họ không lựa chọn người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trường hợp người chưa thành niên từ chối người bào chữa theo chỉ định thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng vẫn chỉ định người bào chữa cho họ.

Điều 131. Thông báo về hoạt động tố tụng

1. Trước khi tiến hành hoạt động tố tụng, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo trước trong thời gian hợp lý cho người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội biết về thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động tố tụng mà họ có quyền tham gia theo quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Việc thông báo phải bằng văn bản, trong đó phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, điện thoại của người ra thông báo và người được thông báo. Trường hợp cần bảo đảm sự có mặt kịp thời của người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể thông báo trực tiếp, qua điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác nhưng ngay sau đó phải gửi thông báo bằng văn bản.

3. Người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội khi nhận được thông báo phải thông tin kịp thời về việc có mặt và tham gia tố tụng của họ cho cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng biết.

4. Việc thông báo các hoạt động tố tụng khác được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 132. Việc tham gia tố tụng của người đại diện

1. Người đại diện của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội có quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

2. Những trường hợp sau đây không được làm người đại diện của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội:

a) Việc tham gia tố tụng của người này gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý của người chưa thành niên, ảnh hưởng đến việc xác định sự thật của vụ án;

b) Hành vi của người này là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên.

3. Người đại diện của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội được tham gia việc lấy lời khai, hỏi cung, đối chất, khám xét người, xem xét dấu vết trên thân thể của người chưa thành niên, tham gia việc người chưa thành niên nhận dạng, nhận biết giọng nói và những hoạt động tố tụng khác theo quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự; đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu, khiếu nại, tố cáo; đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu liên quan đến việc buộc tội người chưa thành niên trong hồ sơ vụ án sau khi kết thúc điều tra.

4. Người đại diện của người chưa thành niên là bị cáo khi tham gia phiên tòa có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu và đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng; phát biểu ý kiến, tranh luận; khiếu nại các hành vi tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các quyết định của Tòa án.

5. Ngay sau khi thụ lý vụ việc, vụ án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo bằng văn bản cho người đại diện của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội để tham gia tố tụng; trường hợp cần thiết có thể báo tin trực tiếp, qua điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác nhưng ngay sau đó phải gửi thông báo bằng văn bản.

6. Người đại diện phải có mặt đúng thời gian, địa điểm nêu trong thông báo.

Điều 133. Việc tham gia tố tụng của tổ chức

1. Đại diện cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức khác nơi người chưa thành niên học tập, lao động và sinh hoạt có quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

2. Những người quy định tại khoản 1 Điều này khi tham gia phiên tòa có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; phát biểu ý kiến, tranh luận.

Điều 134. Giữ bí mật thông tin của người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội

1. Các thông tin có liên quan đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên không được công khai, trừ trường hợp người đó bị truy nã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các tài liệu, chứng cứ, thông tin có liên quan đến nhân thân, hành vi phạm tội của người chưa thành niên chỉ được sử dụng cho việc giải quyết vụ việc, vụ án, nghiêm cấm sử dụng vào mục đích khác.

3. Trong trường hợp đặc biệt cần bảo vệ người chưa thành niên, Tòa án có thể xét xử kín nhưng phải tuyên công khai phần quyết định của bản án.

Mục 2
BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN, BIỆN PHÁP CƯỠNG CHẾ

Điều 135. Các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

1. Các biện pháp ngăn chặn áp dụng đối với người chưa thành niên bao gồm:

a) Giữ người trong trường hợp khẩn cấp;

b) Bắt người theo các trường hợp quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự;

c) Tạm giữ;

d) Tạm giam;

đ) Giám sát điện tử;

e) Giám sát bởi người đại diện;

g) Bảo lĩnh;

h) Đặt tiền để bảo đảm;

i) Cấm đi khỏi nơi cư trú;

k) Tạm hoãn xuất cảnh.

2. Các biện pháp cưỡng chế áp dụng đối với người chưa thành niên bao gồm:

a) Áp giải, dẫn giải;

b) Kê biên tài sản;

c) Phong tỏa tài khoản.

3. Sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, người ra lệnh giữ người, lệnh hoặc quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam người chưa thành niên phải thông báo ngay bằng văn bản cho gia đình của họ, Ủy ban nhân dân cấp xã

nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập biết; trường hợp cần thiết có thể báo tin trực tiếp, qua điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác nhưng ngay sau đó phải gửi thông báo bằng văn bản.

Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận người bị giữ, bị bắt là người chưa thành niên, Cơ quan điều tra nhận người bị giữ, bị bắt phải thông báo cho gia đình người bị giữ, bị bắt, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập biết; trường hợp người bị giữ, bị bắt là công dân nước ngoài thì phải thông báo cho cơ quan ngoại giao của Việt Nam để thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao của nước có công dân bị giữ, bị bắt.

Nếu việc thông báo cản trở truy bắt đối tượng khác hoặc cản trở điều tra thì sau khi cản trở đó không còn, người ra lệnh giữ người, lệnh hoặc quyết định bắt người, Cơ quan điều tra nhận người bị giữ, người bị bắt phải thông báo ngay.

Điều 136. Áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp

1. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp về tội phạm mà họ phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự nếu thuộc trường hợp áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị giữ trong trường hợp khẩn cấp về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng nếu thuộc trường hợp áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 137. Áp dụng biện pháp tạm giữ

1. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị tạm giữ về tội phạm mà họ phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự nếu thuộc trường hợp áp dụng biện pháp tạm giữ quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị tạm giữ về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng nếu thuộc trường hợp áp dụng biện pháp tạm giữ quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị tạm giữ về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng nếu họ tiếp tục phạm tội hoặc bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã.

3. Thời hạn tạm giữ không quá 03 ngày kể từ khi Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhận người bị giữ, người bị bắt hoặc áp giải người bị giữ, người bị bắt về trụ sở của mình hoặc kể từ khi Cơ quan điều tra ra quyết định tạm giữ người phạm tội tự thú, đầu thú. Trường hợp cần thiết, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ một lần nhưng không quá 03 ngày.

Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận hồ sơ đề nghị gia hạn tạm giữ, Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn.

Điều 138. Áp dụng biện pháp tạm giam

1. Tạm giam có thể áp dụng đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi về tội đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự khi có căn cứ xác định người đó thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm;

b) Không có nơi cư trú rõ ràng;

c) Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã;

d) Tiếp tục phạm tội hoặc có căn cứ xác định người này tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để tiếp tục phạm tội;

đ) Có hành vi tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

2. Tạm giam có thể áp dụng đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi về tội rất nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự khi có căn cứ xác định người đó thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm;

b) Không có nơi cư trú rõ ràng;

c) Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã;

d) Tiếp tục phạm tội;

đ) Có hành vi tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

3. Tạm giam có thể áp dụng đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi về tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự khi có căn cứ xác định người đó thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm;

b) Không có nơi cư trú rõ ràng;

c) Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có căn cứ xác định người này sẽ bỏ trốn;

d) Tiếp tục phạm tội hoặc có căn cứ xác định người này tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để tiếp tục phạm tội;

đ) Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

4. Có thể áp dụng biện pháp tạm giam đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng nếu họ tiếp tục phạm tội hoặc bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã.

5. Thời hạn tạm giam đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo không quá một phần hai thời hạn tạm giam tương ứng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 151 của Luật này. Khi không còn căn cứ để tạm giam thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kịp thời hủy bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác.

6. Trường hợp người chưa thành niên là bị can, bị cáo đang bị tạm giam mà có thông báo áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng thì cơ quan tiến hành tố tụng xem xét tiếp tục tạm giam hoặc hủy bỏ, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác.

7. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết khoản 5 Điều này.

Điều 139. Áp dụng biện pháp giám sát điện tử

1. Giám sát điện tử là biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và nhân thân của người chưa thành niên là bị can, bị cáo, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định cho họ được giám sát điện tử.

2. Bị can, bị cáo được giám sát điện tử phải làm giấy cam đoan thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

a) Không đi khỏi phạm vi giám sát, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Có mặt theo giấy triệu tập, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan;

c) Không bỏ trốn hoặc không tiếp tục phạm tội;

d) Không mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; không tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; không đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này;

đ) Không tháo, phá hủy thiết bị giám sát điện tử hoặc gây rối loạn hoạt động của thiết bị giám sát điện tử.

3. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử có quyền ra quyết định giám sát điện tử đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo và phải ghi rõ phạm vi giám sát. Quyết định của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành.

4. Thời hạn giám sát điện tử không quá thời hạn điều tra, thời hạn quyết định việc truy tố, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo quy định của Luật này. Thời hạn giám sát điện tử đối với người bị kết án phạt tù không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm người đó đi chấp hành án phạt tù.

5. Người ra quyết định áp dụng biện pháp giám sát điện tử phải gửi ngay quyết định này cho người chưa thành niên là bị can, bị cáo, người đại diện của họ; thông báo ngay việc áp dụng biện pháp này cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chưa thành niên là bị can, bị cáo cư trú và giao người chưa thành niên là bị can, bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã đó để thi hành.

Trường hợp người chưa thành niên là bị can, bị cáo vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan phải tạm thời đi khỏi phạm vi giám sát thì phải có sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và phải có giấy phép của người đã ra quyết định áp dụng biện pháp giám sát điện tử. Giấy phép này phải gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

6. Bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam đoan quy định tại khoản 2 Điều này thì bị tạm giam. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị can, bị cáo cư trú phải báo ngay cho cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp giám sát điện tử biết về việc vi phạm để xử lý theo thẩm quyền.

7. Việc hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp giám sát điện tử được thực hiện theo quy định về hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 140. Áp dụng biện pháp giám sát bởi người đại diện

1. Giám sát bởi người đại diện có thể áp dụng đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

2. Bị can, bị cáo bị giám sát bởi người đại diện phải làm giấy cam đoan thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

a) Có mặt theo giấy triệu tập, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan;

b) Không bỏ trốn hoặc không tiếp tục phạm tội;

c) Không mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; không tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án; không tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; không đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

3. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử có quyền ra quyết định giám sát bởi người đại diện và giao người chưa thành niên là bị can, bị cáo cho người đại diện của họ để thực hiện việc giám sát.

Người đại diện được giao nhiệm vụ giám sát có nghĩa vụ giám sát chặt chẽ người chưa thành niên, theo dõi tư cách, đạo đức và giáo dục người đó.

Trường hợp người đại diện không có điều kiện để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì người có thẩm quyền quy định tại khoản này quyết định thay đổi người đại diện.

4. Thời hạn giám sát bởi người đại diện không quá thời hạn điều tra, thời hạn quyết định việc truy tố, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo quy định của Luật này. Thời hạn giám sát bởi người đại diện đối với người chưa thành niên bị kết án phạt tù không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm người đó đi chấp hành án phạt tù.

5. Người ra quyết định áp dụng biện pháp giám sát bởi người đại diện phải gửi ngay quyết định này cho người chưa thành niên là bị can, bị cáo, người đại diện của họ; thông báo ngay việc áp dụng biện pháp này cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chưa thành niên là bị can, bị cáo cư trú để quản lý, theo dõi họ.

Trường hợp bị can, bị cáo vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan phải tạm thời đi khỏi nơi cư trú thì phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và phải có giấy cho phép của người đã ra quyết định áp dụng biện pháp giám sát bởi người đại diện. Giấy phép này phải gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

6. Bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam đoan quy định tại khoản 2 Điều này có thể bị tạm giam. Người đại diện được giao nhiệm vụ giám sát phải kịp thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã về việc vi phạm và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chưa thành niên là bị can, bị cáo cư trú phải báo ngay cho cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp giám sát bởi người đại diện biết để xử lý theo thẩm quyền.

7. Việc hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp giám sát bởi người đại diện được thực hiện theo quy định về hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 141. Áp dụng biện pháp áp giải, dẫn giải

1. Áp giải có thể áp dụng đối với người chưa thành niên thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người chưa thành niên là bị can, bị cáo đã có giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng cố ý vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan;

b) Người chưa thành niên là người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị can, bị cáo đang bị tạm giam từ nơi bị giam, giữ đến địa điểm tiến hành điều tra, truy tố, xét xử vụ án.

2. Dẫn giải chỉ có thể áp dụng đối với người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố mà qua kiểm tra, xác minh có đủ căn cứ xác định người đó liên quan đến hành vi phạm tội được khởi tố vụ án, đã được triệu tập mà vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan.

3. Khi áp giải, dẫn giải người chưa thành niên thì không còng tay hoặc áp dụng các biện pháp mang tính cưỡng chế khác, trừ trường hợp người chưa thành niên có biểu hiện trốn, hành vi chống đối, gây rối trật tự công cộng.

Mục 3
THỦ TỤC KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA, TRUY TỐ

Điều 142. Tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố

1. Mọi hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án có người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội phải được tiến hành trong môi trường thuận lợi cho việc bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, bí mật cá nhân, danh dự, nhân phẩm, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của họ.

2. Các thủ tục tố tụng thân thiện phải được áp dụng đối với người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội ngay từ giai đoạn khởi tố.

3. Khi tiến hành tố tụng đối với người chưa thành niên là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải có thái độ thân thiện, sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, phù hợp với lứa tuổi, giới tính, khả năng nhận thức và mức độ trưởng thành của họ.

4. Trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thụ lý vụ án có người chưa thành niên là người bị buộc tội thì phải đề nghị Viện kiểm sát có thẩm quyền ra quyết định chuyển toàn bộ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

5. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết khoản 4 Điều này.

Điều 143. Tách vụ án hình sự có người chưa thành niên

1. Trong vụ án hình sự có bị can là người chưa thành niên và người thành niên thì Cơ quan điều tra tách vụ án hình sự để giải quyết vụ án độc lập đối với bị can là người chưa thành niên.

2. Tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án có người chưa thành niên và vụ án có người thành niên theo quy định tại khoản 1 Điều này được sử dụng trong quá trình giải quyết các vụ án này.

3. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết Điều này.

Điều 144. Lấy lời khai, hỏi cung

1. Trường hợp lấy lời khai, hỏi cung người chưa thành niên tại nơi tiến hành điều tra, truy tố thì phải sắp xếp, bố trí phòng lấy lời khai, hỏi cung bảo đảm thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi của họ.

2. Khi tiến hành lấy lời khai, hỏi cung, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải xem xét áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm giảm đến mức thấp nhất thời gian, số lượng lần lấy lời khai, hỏi cung và phải tạm dừng ngay việc lấy lời khai, hỏi cung khi người chưa thành niên có biểu hiện mệt mỏi, ảnh hưởng đến khả năng khai báo chính xác, đầy đủ.

3. Việc lấy lời khai, hỏi cung người chưa thành niên phải có mặt người đại diện hoặc người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ, trừ trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia thì thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp cần thiết khi lấy lời khai, hỏi cung, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể mời người làm công tác xã hội, chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học tham gia.

4. Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, người làm công tác xã hội có thể hỏi người chưa thành niên nếu được Điều tra viên,

Kiểm sát viên đồng ý. Điều tra viên, Kiểm sát viên có quyền yêu cầu không được hỏi và phải dừng ngay việc hỏi trong trường hợp câu hỏi của những người này có tính chất gợi ý, định hướng liên quan đến vụ việc, vụ án.

5. Việc lấy lời khai, hỏi cung người chưa thành niên không quá 02 lần trong 01 ngày và mỗi lần không quá 02 giờ, trừ trường hợp sau đây:

a) Phạm tội có tổ chức;

b) Để truy bắt người phạm tội khác đang bỏ trốn;

c) Ngăn chặn người khác phạm tội;

d) Để truy tìm công cụ, phương tiện phạm tội hoặc vật chứng khác của vụ án;

đ) Vụ việc, vụ án có nhiều tình tiết phức tạp.

6. Không lấy lời khai, hỏi cung người chưa thành niên vào ban đêm, trừ trường hợp sau đây:

a) Người chưa thành niên bị giữ trong trường hợp khẩn cấp;

b) Để truy bắt người phạm tội khác đang bỏ trốn;

c) Ngăn chặn người khác phạm tội.

7. Biên bản lấy lời khai, hỏi cung người chưa thành niên chỉ có giá trị pháp lý khi có chữ ký hoặc điểm chỉ của người đại diện hoặc người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Điều 145. Nhận dạng, nhận biết giọng nói

1. Khi cần thiết, Điều tra viên có thể cho người chưa thành niên là người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can nhận dạng, nhận biết giọng nói.

Trường hợp cho người chưa thành niên nhận dạng hình ảnh tử thi có hình dạng gây sợ hãi thì phải chuẩn bị kỹ tâm lý cho họ hoặc sử dụng các thiết bị điện tử, hình ảnh mô phỏng phù hợp để nhận dạng.

2. Trong quá trình tiến hành nhận dạng, nhận biết giọng nói, Điều tra viên tạo không khí thoải mái, động viên người chưa thành niên đưa ra nhận diện chính xác nhất có thể. Sau khi người được yêu cầu nhận dạng, nhận biết giọng nói đã xác nhận được một người, một vật, một ảnh hoặc tiếng nói trong số những người, vật, ảnh hoặc giọng nói được đưa ra, Điều tra viên có thể không cần yêu cầu người chưa thành niên giải thích là họ đã căn cứ vào các vết tích hoặc đặc điểm gì mà xác nhận được người, vật, ảnh, giọng nói đó.

3. Không tiến hành nhận dạng, nhận biết giọng nói vào ban đêm, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 6 Điều 144 của Luật này.

4. Việc cho người chưa thành niên nhận dạng, nhận biết giọng nói phải có mặt người đại diện hoặc người bào chữa của họ.

Điều 146. Đối chất

1. Việc đối chất với người chưa thành niên chỉ được thực hiện trong trường hợp nếu không đối chất thì không thể giải quyết được vụ án.

2. Việc đối chất đối với người chưa thành niên chỉ được tiến hành 01 lần trong một ngày và không quá 02 giờ. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải tạm dừng ngay việc đối chất khi người chưa thành niên có biểu hiện mệt mỏi, căng thẳng.

3. Khi tiến hành việc đối chất, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể bố trí cho người tham gia đối chất ngồi ở phòng cách ly và sử dụng thiết bị điện tử, màn che hoặc các biện pháp bảo vệ khác để không làm ảnh hưởng đến tâm lý của người chưa thành niên.

4. Việc cho người chưa thành niên đối chất phải có mặt người đại diện hoặc người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Điều 147. Khám xét người, xem xét dấu vết trên thân thể

1. Việc khám xét người, xem xét dấu vết trên thân thể của người chưa thành niên phải có sự tham gia của người đại diện của họ.

2. Bảo đảm thời gian khám xét người, xem xét dấu vết trên thân thể người chưa thành niên được tiến hành nhanh nhất.

Mục 4
THỦ TỤC XÉT XỬ

Điều 148. Thẩm quyền xét xử vụ án hình sự

Tòa gia đình và người chưa thành niên có thẩm quyền xét xử vụ án hình sự có người chưa thành niên là người bị buộc tội. Đối với Tòa án chưa tổ chức Tòa gia đình và người chưa thành niên thì việc xét xử vụ án hình sự có người chưa thành niên là người bị buộc tội do Thẩm phán quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này thực hiện.

Điều 149. Phòng xử án thân thiện

1. Tòa án xét xử bị cáo là người chưa thành niên tại phòng xử án thân thiện.

2. Vị trí của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, người tham dự phiên tòa trong phòng xử án được bố trí trên cùng một mặt phẳng.

Người chưa thành niên là bị cáo tham gia tố tụng tại phiên tòa được ngồi cạnh người bào chữa, người đại diện của họ.

3. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết Điều này.

Điều 150. Sự có mặt của người làm công tác xã hội

Người làm công tác xã hội tham gia phiên tòa khi được Tòa án triệu tập. Nếu người làm công tác xã hội vắng mặt thì tùy từng trường hợp, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa hoặc vẫn tiến hành xét xử.

Điều 151. Thủ tục xét xử thân thiện

1. Phiên tòa phải được tổ chức xét xử thân thiện, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên. Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa mặc trang phục hành chính của Tòa án; Kiểm sát viên mặc trang phục phù hợp, không mặc trang phục Kiểm sát nhân dân.

2. Khi xét xử không còng tay hoặc áp dụng các biện pháp mang tính cưỡng chế khác, trừ trường hợp người chưa thành niên có biểu hiện chống đối, gây mất trật tự tại phiên tòa hoặc hành động tiêu cực khác.

3. Người đại diện của người chưa thành niên có thể hỗ trợ người chưa thành niên tại phiên tòa.

4. Chủ tọa phiên tòa đề nghị người làm công tác xã hội có mặt tại phiên tòa trình bày báo cáo điều tra xã hội và báo cáo điều tra xã hội bổ sung (nếu có), đề nghị áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng (nếu có) và những vấn đề khác có liên quan.

5. Việc xét hỏi, tranh luận đối với người chưa thành niên tại phiên tòa được tiến hành phù hợp với lứa tuổi, giới tính, khả năng nhận thức và mức độ trưởng thành của họ. Câu hỏi cần ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu, không hỏi nhiều vấn đề cùng một lúc.

6. Khi xét xử, nếu xét thấy người chưa thành niên có đủ điều kiện áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng thì Hội đồng xét xử xem xét, ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng đối với bị cáo. Quyết định này phải có các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này, trừ nội dung đình chỉ vụ án đối với bị cáo. Quyết định này có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp xét thấy cần xây dựng hoặc bổ sung kế hoạch xử lý chuyển hướng thì Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa và đề nghị người làm công tác xã hội xây dựng hoặc bổ sung kế hoạch xử lý chuyển hướng. Thời hạn tạm ngừng phiên tòa không quá 10 ngày kể từ ngày quyết định tạm ngừng phiên tòa. Hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

7. Sau khi tuyên án hoặc công bố quyết định, Hội đồng xét xử quyết định tạm giam người chưa thành niên nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người chưa thành niên đang bị tạm giam nhưng xét thấy cần tiếp tục tạm giam để bảo đảm thi hành bản án, quyết định;

b) Người chưa thành niên không bị tạm giam nhưng có căn cứ cho thấy họ có thể bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội.

8. Thời hạn tạm giam đối với người chưa thành niên được thực hiện như sau:

a) Không quá 45 ngày kể từ ngày tuyên án;

b) Không quá 25 ngày kể từ ngày công bố quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Điều 152. Tuyên án

Khi tuyên án, Hội đồng xét xử đọc phần quyết định trong bản án. Sau khi đọc xong có thể giải thích thêm về việc chấp hành bản án, quyền kháng cáo và những nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII
THỦ TỤC TỐ TỤNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN LÀ BỊ HẠI, NGƯỜI LÀM CHỨNG

Điều 153. Bảo vệ, hỗ trợ người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng

1. Việc tiến hành tố tụng đối với người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng phải được tiến hành trong môi trường thuận lợi cho việc bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, bí mật cá nhân, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của họ. Hạn chế đến mức thấp nhất số lần tiếp xúc giữa người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng với người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu sự lo lắng, căng thẳng của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng khi tham gia tố tụng.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải phối hợp với người làm công tác xã hội, cơ quan bảo vệ trẻ em và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan nhằm hỗ trợ, chăm sóc, bảo vệ người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng trong quá trình tố tụng.

4. Ưu tiên giải quyết các vụ việc, vụ án có người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng trong thời gian sớm nhất.

5. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp phù hợp, cần thiết theo quy định của pháp luật để bảo vệ tính mạng, sức khỏe,

danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng và người thân thích của họ khi bị xâm hại hoặc bị đe dọa xâm hại.

6. Người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng không bị dẫn giải.

7. Người chưa thành niên là bị hại có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ từ nguồn kinh phí của Quỹ Bảo trợ trẻ em.

Điều 154. Việc tham gia tố tụng của người đại diện và người hỗ trợ khác

1. Người chưa thành niên là bị hại có quyền có người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, người chưa thành niên là người làm chứng có quyền có người đại diện cùng tham gia các hoạt động tố tụng. Trường hợp sự tham gia của người đại diện không bảo đảm lợi ích của người chưa thành niên thì phải chỉ định người đại diện khác cho họ theo quy định của pháp luật.

2. Ngay sau khi thụ lý vụ việc, vụ án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo bằng văn bản cho người đại diện của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng để tham gia tố tụng; trường hợp cần thiết có thể thông báo trực tiếp, qua điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác nhưng ngay sau đó phải gửi thông báo bằng văn bản. Người đại diện phải có mặt đúng thời gian, địa điểm nêu trong thông báo.

3. Trước khi tiến hành hoạt động tố tụng, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo cho người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên là bị hại, người đại diện của người làm chứng theo quy định của Luật này và Bộ luật Tố tụng hình sự.

4. Theo đề nghị của người chưa thành niên là bị hại, người đại diện của họ hoặc khi xét thấy cần thiết, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đề nghị người làm công tác xã hội tham gia tố tụng để hướng dẫn, hỗ trợ cho người chưa thành niên và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác của người làm công tác xã hội theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể yêu cầu chuyên gia y tế, tâm lý, giáo dục, xã hội học hỗ trợ người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng khi tham gia tố tụng.

Điều 155. Giữ bí mật thông tin của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm giữ bí mật cá nhân của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng.

2. Nghiêm cấm tiết lộ thông tin về họ và tên, nơi cư trú, học tập, làm việc, hình ảnh, thông tin nhận dạng khác của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng.

Khi tuyên án, Thẩm phán không được nêu họ và tên, nơi cư trú, học tập, làm việc của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng.

3. Tòa án xét xử kín đối với vụ án hình sự có người chưa thành niên bị xâm hại tình dục hoặc trường hợp đặc biệt khác cần bảo vệ người chưa thành niên.

4. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kịp thời đề nghị các cơ quan báo chí, thông tấn không đăng tải, gỡ các thông tin, hình ảnh liên quan đến vụ việc, vụ án ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng.

5. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng áp dụng các biện pháp nghiệp vụ hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp kỹ thuật để bảo vệ thông tin cá nhân, danh dự, nhân phẩm của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng bị phát tán trên không gian mạng.

6. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan xử lý theo thẩm quyền đối với người cố tình phát tán, truyền đưa thông tin cá nhân của người chưa thành niên là bị hại trong các vụ việc, vụ án xâm hại người chưa thành niên, ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của họ.

Điều 156. Lấy lời khai, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra

1. Việc lấy lời khai người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng có thể thực hiện tại nơi tiến hành điều tra, truy tố, nơi cư trú hoặc nơi học tập, nơi làm việc, nơi sinh hoạt của người đó hoặc cơ sở chăm sóc người chưa thành niên. Ưu tiên địa điểm lấy lời khai tại nơi cư trú của họ. Trường hợp lấy lời khai của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng tại nơi tiến hành điều tra, truy tố thì phải sắp xếp, bố trí phòng lấy lời khai bảo đảm thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi của họ.

Trường hợp cần thiết, việc lấy lời khai của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng có thể được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh.

2. Khi tiến hành lấy lời khai người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải có thái độ thân thiện, sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, phù hợp với lứa tuổi, giới tính, khả năng nhận thức, mức độ trưởng thành, đặc điểm riêng về hoàn cảnh gia đình, tình trạng tâm lý, sức khỏe và những đặc điểm khác của người chưa thành niên.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải hạn chế tối đa số lần lấy lời khai của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng và chỉ lấy lời khai khi thực sự cần thiết để phục vụ hoạt động tố tụng.

4. Không hỏi người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng nhiều lần về cùng một nội dung. Việc lấy lời khai không quá 02 lần trong 01 ngày và mỗi lần không quá 02 giờ, trừ trường hợp vụ việc, vụ án có nhiều tình tiết phức tạp. Việc lấy lời khai phải tạm dừng ngay khi người chưa thành niên có biểu hiện mệt mỏi, ảnh hưởng đến khả năng khai báo chính xác, đầy đủ.

5. Khi tiến hành lấy lời khai, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể sử dụng sơ đồ, mô hình, thiết bị điện tử hoặc công cụ khác để hỗ trợ việc lấy lời khai người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng.

6. Không tiến hành đối chất giữa người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng với người bị buộc tội, trừ trường hợp nếu không đối chất thì không thể giải quyết được vụ án.

Khi tiến hành đối chất, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng bố trí cho người tham gia đối chất ngồi ở phòng cách ly và sử dụng thiết bị điện tử, màn che hoặc các biện pháp bảo vệ khác để không làm ảnh hưởng đến tâm lý của người chưa thành niên.

Việc đối chất đối với người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng chỉ được tiến hành 01 lần trong một ngày và không quá 02 giờ. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải tạm dừng ngay việc đối chất khi bị hại, người làm chứng có biểu hiện mệt mỏi, căng thẳng.

7. Người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng có quyền từ chối tham gia vào hoạt động thực nghiệm điều tra, nếu hoạt động đó có thể làm tổn thương tâm lý, tinh thần của họ.

8. Việc lấy lời khai, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra phải có mặt của người đại diện hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

9. Khi lấy lời khai, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên mặc trang phục phù hợp, không mặc trang phục Công an nhân dân, Kiểm sát nhân dân.

Điều 157. Xem xét dấu vết trên thân thể, trưng cầu giám định

1. Việc xem xét dấu vết trên thân thể của người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng phải có sự tham gia của người đại diện của họ.

Trường hợp cần thiết có thể mời bác sỹ tham gia việc xem xét dấu vết trên thân thể của người chưa thành niên là bị hại. Việc khám bộ phận sinh dục của người chưa thành niên là bị hại phải do bác sỹ thực hiện.

2. Bảo đảm thời gian xem xét dấu vết trên thân thể người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng được tiến hành nhanh nhất.

3. Chỉ được trưng cầu giám định hoặc lấy mẫu trên cơ thể đối với người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng nếu có căn cứ cho rằng việc đó là cần thiết để giải quyết vụ việc, vụ án. Khi tiến hành việc giám định và lấy mẫu trên cơ thể phải tôn trọng quyền riêng tư của người chưa thành niên.

4. Đối với những vụ việc, vụ án phạm tội quả tang hoặc diễn ra vừa kết thúc thì bị phát hiện hoặc có căn cứ, tài liệu xác định có hành vi xâm hại người chưa thành niên hoặc thuộc các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định, cơ quan đang thụ lý vụ việc, vụ án phải tiến hành trưng cầu giám định trong thời hạn 24 giờ kể từ khi có căn cứ. Trường hợp cần phải đưa bị hại đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để sơ cứu, cấp cứu, cơ quan đang thụ lý vụ việc, vụ án phải phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để thu mẫu giám định.

Điều 158. Hạn chế tiếp xúc với bị cáo

1. Hội đồng xét xử phải hạn chế việc tiếp xúc giữa người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng với bị cáo khi họ trình bày lời khai tại phiên tòa.

2. Trong quá trình xét xử vụ án, Hội đồng xét xử phải cách ly người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng với bị cáo trong trường hợp sau đây:

a) Vụ án có người chưa thành niên là bị hại bị xâm hại tình dục, bị bạo hành hoặc bị mua bán;

b) Vụ án có bị hại là người dưới 10 tuổi;

c) Vụ án khác có yêu cầu của người chưa thành niên hoặc người đại diện của họ và Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly để bảo đảm lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên.

Điều 159. Thủ tục xét xử

1. Hạn chế việc triệu tập người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng tham gia phiên tòa nếu không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa sử dụng lời khai của họ trong hồ sơ vụ án hoặc áp dụng các biện pháp thay thế khác để xét xử vụ án.

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có thể quyết định xét xử trực tuyến theo quy định của pháp luật để người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần.

2. Trường hợp người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng tham gia phiên tòa thì bố trí cho họ ngồi ở phòng cách ly và sử dụng các thiết bị điện tử; trường hợp không bố trí được phòng cách ly thì để họ ngồi ở phòng xử án nhưng phải bố trí khu vực ngăn cách với bị cáo.

3. Khi xét xử phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Khi xét hỏi, câu hỏi cần ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu, dùng ngôn ngữ phù hợp với lứa tuổi, giới tính, khả năng nhận thức và mức độ trưởng thành của người chưa thành niên, không hỏi nhiều vấn đề cùng một lúc. Việc xét hỏi cần chú ý đặc điểm riêng về hoàn cảnh gia đình, tình trạng tâm lý, sức khỏe và những đặc điểm khác của họ;

b) Trường hợp cần thiết, có thể sử dụng sơ đồ, mô hình cơ thể, thiết bị điện tử hoặc công cụ khác để hỗ trợ người chưa thành niên trả lời câu hỏi. Không được yêu cầu người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng chỉ vào bộ phận trên cơ thể của họ;

c) Không hỏi những câu mang tính công kích, đe dọa, làm xấu hổ hoặc xúc phạm người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng.

4. Người chưa thành niên là bị hại, người làm chứng được tạo điều kiện để làm quen, tiếp xúc với quy trình và thủ tục xét xử.

5. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết Điều này.

Điều 160. Bồi thường cho người chưa thành niên là bị hại

1. Việc xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Việc bồi thường cho người chưa thành niên là bị hại phải thực hiện nhanh chóng, kịp thời.

3. Trường hợp người chưa thành niên là bị hại bị xâm phạm tính mạng, sức khỏe cần phải cứu chữa kịp thời nhưng người bồi thường chưa thể thực hiện bồi thường ngay thì có thể sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo Trợ trẻ em cho họ. Người có nghĩa vụ bồi thường phải thực hiện hoàn trả Quỹ theo quy định.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này.

Điều 161. Hỗ trợ chăm sóc phục hồi cho người chưa thành niên là bị hại

1. Bị hại là người dưới 16 tuổi có quyền được hỗ trợ và can thiệp theo quy định của Luật Trẻ em.

2. Bị hại là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có quyền được bố trí nơi tạm trú an toàn, được tư vấn tâm lý, điều trị y tế, trợ giúp pháp lý, đào tạo kỹ năng, chăm sóc thay thế và hoạt động hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

(Xem tiếp Công báo số 1539 + 1540)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng